



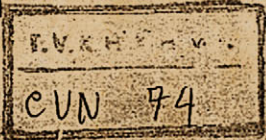
Văn-Học Khoa-Học

Tạp Chí

XUẤT BẢN MỖI
THÁNG HAI KỲ

REVUE BIMENSUELLE SCIENTIFI-
QUE ET LITTÉRAIRE AVEC UNE
PARTIE REDIGÉE EN FRANÇAIS

MỖI SỐ 0 \$ 25



IN TAI

ĐÔNG KINH ÁN QUÁN (IMPRIMERIE TONKINOISE)
80-82 RUE DU CHANVRE. HANOI-1934

Người sáng-lập

FONDATEURS
LOUIS MARTY

PHẠM QUYNH

NGUYỄN BÁ-TRÁC

Tòa báo : Phố Hàng Gai, số 80, Hà-nội.

Direction et Rédaction : 80 Rue du Chanvre, Hanoi.

Ai gửi bài lai-cáo hoặc thư-từ gì về việc báo xin viết cho ông Nguyễn Hữu-Tiến số 22 Phố Hàng Gai (22 Rue du Chanvre, Hanoi).

Fondateur-propriétaire
Sáng-lập Chủ-nhân

PHẠM QUYNH

YÊU-MỤC

		Số trang
1. — Nền thống-nhất phép cân do lường	Nguyễn Hữu-Tiến	333
2. — Cuộc tổng-tuyển-cử dân-biểu Bắc-kỳ khuya này đã có vẻ lạc-quan	Nguyễn Trọng-Thuật	337
3. — Một bài phong-dao về thể luận-lý và tư-tưởng giải-phóng.	Hải-Itac	340
4. — Gia-dình giáo-dục. II.	Đỗ-Nam	344
5. — Người thím nuôi. (Truyện-ngắn).	Lê Đức-Hương	352
6. — Thuyết hình-danh của Hán-Pai.	Kiểm-Hồ	356
7. — Bức thư thần Quốc-ngữ kéo nài thần chữ Nho (Hài-văn).	Tùng-Vân	359
8. — Văn-đề độc-lập của Phi-luật-tân — Pháp Nga thân-thiện.	T. P.	367
9. — Văn-uyển.		368
10. — Thời-dâm.		370

Supplément en français

1. — Regards sur l'Annam actuel — Un aspect de l'évolution sociale : L'individu dans la Famille.	Nguyễn Tiến-Lãng	39
2. — Le régime foncier en Indochine. II.	Lê Đình-Nho	51

Kỳ này có ảnh quan Thống-xứ Bắc-kỳ THOLANCE

La reproduction et la traduction des articles publiés dans le « Nam-Phong » ainsi que la reproduction des gravures sont formellement interdites sauf autorisation expresse de la direction.

Cấm không ai được phiên-dịch và bất-chức in lại những bài và ảnh trong Bản-chí, trừ khi nào nhà báo có cho phép thì không kể.



Chân-dung quan Thống-sứ Tholance

Kính ảnh Ngọ-Báo

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

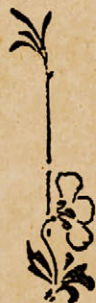
ĐƠN THÔNG-NHẤT PHÉP CÂN ĐO LƯỜNG

Cân, đo, lường là những phép rất quan-hệ về kế-toán, về kiến-trúc, về thương-mại, về công-nghệ. Tóm lại là hết thảy mọi sự tru-liệu về công việc dân-sinh quốc-kế đều phải cân dùng hằng ngày. Thế cho nên những nước thực-nghiệp phát-đạt, đều trước phải nhất-dịnh lấy những phép cân, đo, lường và thi-hành nhất-luật, cho trong nước việc công việc tư đều theo một mực ấy.

Những phép cân, đo, lường ấy có thống-nhất và nhất-dịnh mà nhất là có giản-dị, nghĩa là cùng theo nhau một thứ-tự đẳng-sai, thì sự kế-toán mới có chuẩn-dịch và dễ xem xét.

Ở Việt-Nam cũng như ở Trung-quốc, mỗi triều vua mới lên đều có thay đổi những phép cân, đo, lường lại. Nhưng thay đổi cũng chỉ là để làm cho tỏ ra chế-độ triều này mới hơn triều trước đó mà thôi. Chứ thực cũng không lấy gì làm tiện-dụng hơn của người trước. Tức như đời Lê đổi lại phép cân đo lường của Trần, triều Nguyễn lại đổi lại phép cân đo lường của Lê vậy.

Về chỗ căn-cứ thì nói rằng theo phép cổ lấy ống Hoàng-chung làm chuẩn. Hoàng-chung là một cái ống nhỏ nghiệm xem khí-hậu của mặt đất, rồi lấy số lượng-tích đó làm chuẩn-dịch mà nhân ra cho những phép cân, đo, lường. Song có một điều rất không tiện là không theo một đẳng-sai « số lẻ phần mười », mỗi phép về cân, đo, lường đều sai cái đẳng-cấp số lẻ của nhau cả. Về phép cân thì mười ly là một phân, mười phân là một đồng, mười đồng là một lạng. Mấy bạc ấy đều theo phần



mười; đến cân thì lại mười sáu lạng là một cân. Cân trở lên thì lại theo phần mười là mười cân là một yến, mười yến là một tạ.

Về phép đo thì ly, phân, tấc, thước và trượng đều theo số lẻ phần mười. Đến phép đo ruộng đất thì lại không theo phần mười, mà đáng sai lại khác nhau rất phiền. Mỗi mẫu là mười sào, mỗi sào lại mười lăm thước. Mỗi thước ruộng lại có những 150 thước vuông. Còn miếng khâu, ghé, mỗi thứ đều có một số lẻ riêng.

Về phép lường, đời Lê có bát quan-đồng, đời Nguyễn có định dụng lịch cho cái « học » để gạt thóc. Nhưng bát quan-đồng với cái học đều chỉ có nhà nước dùng mà thôi. Còn dân-gian thì gặp cái gì lấy làm lóc cũng được. Như rượu, như nước mắm, như muối, mật, dầu v. v., tùy kẻ bán chế ra giuộc, gạo, bát, thùng, lóc, thế nào cũng được. Người mua phải liệu cái lượng của nó nhiều ít mà định giá tiền, chứ không lấy cái tên của nó làm bằng-cứ được.

Nhất là sự dong thóc gạo ngô đậu lại càng phiền và khó-khẩn. Nhất nhất là cái đấu. Đấu có phân ra mười lẻ, nhưng lẻ ấy lấy mắt của người dong làm mực. Cái đấu mỗi người dùng to nhỏ khác nhau thế nào cũng được. Thợ tiện tiện ra nhiều thứ đấu cho các người hàng-sáo dùng. Nhưng nay có người dùng cái vỏ ống đựng bơ bằng sắt tây gọi là « ống bơ », thế cũng dong bán được. Miễn là lúc dong phải khảo, người dùng quen đấu hay là ống bơ, thì hiểu mỗi ống bơ hay là mỗi đấu giá bao nhiêu tiền.

Đong nhiều hơn thì có cái phương mỗi nhà tự chế lấy. Nhưng hiện nay không-dùng cho nhiều nơi hạt Bắc-kỳ thì người ta dùng cái thùng ché, đầu của hiệu Xương-mậu. Thùng này lại có hai thứ: Một thứ đựng những gói ché bốn lạng thì gọi là thùng Xương-mậu bốn lạng. Một thứ đựng những gói ché hai lạng thì gọi là thùng Xương-mậu hai lạng. Thứ thùng hai lạng thì nhỏ bằng nửa thứ thùng bốn lạng. Có miền thì dùng thuần thứ nọ, có miền thì dùng thuần thứ kia. Trong văn-khế vay thóc, đồ thóc ruộng cũng phải chua rõ là thứ thùng Xương-mậu nào. (Đây là chỉ nói về vùng Hải-đương hay dùng thùng ché. Còn các nơi khác thì hoặc theo kiểu thùng tròn như thùng lường nước mắm mà to nhỏ cũng không đều nhau).

Thế nhưng những thùng Xương-mậu ấy cũng không đều mực, có cái to, có cái nhỏ, đó là người ta đóng để trang-tải đồ hàng, chứ

người ta có vì người nước mình đóng đồ ao-lào dàu mà có chuẩn-dịch. Vì vậy những nhà giàu tham lam, lúc cho vay thì gạt thóc bằng cái thùng Xương-mậu cũng thứ bốn lạng mà nhỏ, lúc lấy nợ thì gạt bằng cái thùng Xương-mậu cũng bốn lạng mà to hơn, vì họ đã chọn sẵn hai thứ để làm-thời mà dùng. Ôi, một nước đã có nghề-nghiệp, biết làm ăn giao-dịch, mà đồ dong lường đến phải đi nhặt những cái phế-vật trang-tải hàng-hóa của nước ngoài mà dùng, một điều thực đáng lấy làm sỉ-nhục.

Ngày nay có phép cân, đo, lường của Pháp-quốc đã thịnh-hành ở nước ta. Nhưng mới thịnh-hành ở việc công nhà-nước, việc giao-dịch trong chỗ người Tây người Nam mà thôi. Còn ở dân-gian, nhiều việc trú-toán còn dùng phép cân, đo, lường cũ cả. Phép cân, đo, lường của nước Pháp này cũng là phép mới có chuẩn-dịnh từ cận-thể, do khoa-học nghiên-cứu mà chế ra. Phép này đều nhất-luật về cái đẳng-sai phần mười. Lại có những khí-cụ dùng để cân, đo, lường rất đúng, thật tiện-lợi cho công việc trú-toán, cho nên nhiều nước cũng theo dùng phép ấy.

Phép mới này, cân thì lấy *gramme*, đo thì lấy *mètre* và lường thì lấy *litre* làm bản-vị. Rồi lớn hơn hay là nhỏ hơn, cứ lấy ba vị ấy mà tăng giảm theo đẳng-sai phần mười.

Chỗ căn-cứ là lấy một *mètre* là một phần trong bốn-mươi triệu phần dương chu quả địa-cầu. Cân đo lường lại nhân ở *mètre* mà định ra. Nói về nguyên-lý thì cũng không cần nói *mètre* là đúng hơn ống Hoàng-chung, nhưng cứ sự thực thì phép cân, đo, lường mới này rất tiện-lợi cho các giới thực-nghiệp hơn phép cũ của ta nhiều lắm.

Song-le đối với dân-gian, nhà nước để cho tự-do cứ dùng phép cũ, hoặc có muốn dùng phép mới thì dùng, chứ không cưỡng-bách phải thống-nhất. Bởi vậy trong những khi có sự gì mà hai phương-diện mới cũ gặp nhau rất là khó suy-lượng cho biết chuẩn-dịch ngay được. Ví như nói giá thóc, mỗi một hòm ché Xương-mậu bốn lạng là 0\$60, thì không hiểu ngay thế thì giá mỗi *kilo* là bao nhiêu. Hay là nói thừa ruộng một mẫu ba sào bốn thước, thì không hiểu ngay nó là bao nhiêu *are*.

Thế mà giao-dịch với ngoài thì người ta chỉ biết *kilo* chứ không ai biết hòm ché Xương-mậu, về việc quan chỉ kể *are* chứ không ai

kê sáo thước. Vậy những lúc đó lại phải tính lại thì mới biết, thế thực là phiền.

Về sự đo, đến những nhà viết sách viết báo cũng không chịu phân-biệt cho nhất-dịnh. Một *mètre* thì dài gấp hai lần rưỡi một thước. Thế mà trong những chỗ ký-sự trên báo, thường thấy dùng tiếng « thước » cho những chỗ lượng-tích của vật-chất mới. Như nói cái nhà X ở bên Pháp cao 200 thước, mặt trước rộng 150 thước. Thế thì thước cũ của ta hay là thước tây? Một cái nhà tây lại ở bên Tây thì cố-nhiên người ta ghi bằng *mètre* (thước tây), nhưng lại nói thước, thì đọc-giả không khỏi phân-vân không hiểu là thước tây hay là thước ta.

Sự đối-chiếu trong phép cân, đo, lường như thế còn nhiều. Nay là lúc dân đương mong mỗi sự gì cũng được đổi mới, vậy tưởng Chính-phủ nên thống-nhất cả phép cân, đo, lường lại mà ban luật-điều cho dân phải theo phép mới ấy mà bỏ cả phép cũ đi. Cân đều theo *gramme*, đo đều theo *mètre*, lường đều theo *litre*. Còn lường thóc gạo thì bắt mỗi phương (thùng) phải dùng bao nhiêu *litre*, mỗi đấu phải dùng một *litre*.

Viết thì cứ dễ nguyên tên tây: *mètre*, *gramme*, *litre*. Hay là viết tắt: *mét*, *gam*, *lít*, v. v. Và không phải viết chữ « s » vào số nhiều nữa như 10 *kilos* thì chỉ viết 10 *kilo* là được.

Như thế thì phép cân, đo, lường được thống-nhất, tự khắc là mọi việc thực-nghiệp trú-tính suy-lượng của dân-gian đều được tiện-lợi.

NGUYỄN HỮU-TIẾN



Cuộc tổng tuyển-cử dân-biểu Bắc-kỳ

khóa này đã có vẻ lạc-quan



Bản đến việc nước, ai không biết chính-trị là cái vấn-đề quan-hệ trước hết. Nhưng chính-trị có nhiều nghĩa, làm chính-trị có nhiều cách. Cách làm vừa yên-ổn vừa thiết-yếu hơn hết không gì bằng làm nghị-viên dân-biểu trong nghị-viện.

Nghị-viện là nơi mưu-bán việc nước một cách công-nhiên thuộc trong vòng khuôn của pháp-luật hiện-hành. Kể thay mặt cho nhân-dân làm nghị-viên, nếu quả có trí-thức về chính-trị, có công-phu kinh-nghiệm, lại có lòng thành-thực, biết tùy trình-độ của dân-trị, dựa theo pháp-luật hiện-hành mà tuân-tự dè vãn-động làm việc; thì sự bổ-cửu và dân-đạo cho quốc-dân trên con đường tiến hóa không phải là nhỏ. Và, trong một nghị-viện mà đợc số đông những nghị-viên về hạng thch-dụng như thế, thì dù nghị-viện ấy còn ở vào phạm-vi địa-phương, chưa phải là quốc-hội, còn thuộc về chế-độ tư-vấn chưa đợc nghị-quyết, cũng có thể làm đợc nhiều việc xứng-đáng với chức-phận mà chuyển-di dần đợc thời-cơ đi.

Một xã-hội cũng như một người đối với việc gì mới lạ tất phải có luyện-tập mới quen; một điều lệ-tục nhỏ cũng phải như thế, phương-chỉ là việc chính-trị. Vậy thì viện dân-biểu ở Bắc-kỳ (cũ), như viện dân-biểu ở Trung-kỳ ngày nay, chính là hai nơi mà chính-phủ dự-bị cho nhân-dân có chỗ phương-tiện mà luyện tập lấy trí-thức để làm việc nước đó. Nếu nhân-dân biết nhận-chấn lấy bổn-phận mình mà làm cho đợc việc cho thạo nghề, cho

thành tập-quán hay, thì do hẹp mà ra rộng, do thấp mà lên cao, phỏng có lo gì. Cái công-lệ tiến-hóa xưa nay như vậy, trước hăng phải tự-tin ở nơi mình.

Cuộc tổng-tuyển-cử nghị-viên ở Bắc-kỳ khóa này (1934), ta thấy cái cách cử-động của bên cử-tri, và cái tư-cách của bên ứng-cử, ta nhận ra rằng gần đây trí-thức về chính-trị, quốc-dân ta đã tỏ ra một cái trình-độ khá cao khác với mấy khóa trước nhiều. Nên chúng tôi có ý lấy làm lạc-quan, mà lược bàn ra đây để giới-thiệu cùngchư-tôn độc-giả:

A) Về bên cử-tri.— Toàn kỳ, mỗi tỉnh chia ra làm nhiều khu, mỗi khu cử một nghị-viên. Ngày 29 tháng tư năm 1934, các khu bầu đều mở cuộc bỏ phiếu, thế mà đến 15 khu phải bầu lại. Trong 15 khu ấy có 9 nghị-viên nhân-dân và 6 nghị-viên thương-mại. Cái cơ sở-đi phải bầu lại là do ở nhiều phiếu trắng. Phiếu trắng là phiếu mà cử-tri không thuận bầu những người ra ứng-cử kỳ ấy, cho những người ứng-cử ấy, đều không đủ tin cậy, không xứng đáng thay mặt cho mình lĩnh lấy hai chữ « dân-quyền » ra nơi nghị-viện. Những khu nhiều phiếu trắng như: Khu thứ nhất ở Sơn-tây, 425 cử-tri đi bỏ phiếu mà đến 376 phiếu trắng. Khu thứ hai ở Hà-nam, 652 cử-tri đi bỏ phiếu mà đến 195 phiếu trắng. Khu thứ nhất ở Hải-phòng chỉ có một người ra ứng-cử mà chỉ đợc có 14 phiếu bầu cho, còn nhiều phiếu lại bầu cho tên người khác không ra ứng-cử.

Còn các khu khác như ở Nam-dịnh, Thái-bình, Ninh-bình, Quảng-yên, Vinh-yên, cũng có khu hàng trăm, năm ba chục phiếu trắng cả.

Ngoài 15 khu phải bầu lại ấy, có nhiều khu tuy được nhiều số phiếu thuận bầu trúng-tách, không phải bầu lại, nhưng mà tựu-trung số phiếu trắng cũng nhiều.

Coi đó thì biết dân ta đã biết quí-báu cái phiếu cử-nghị-viên là thế nào. Chúng ta không phải tin rằng chỉ những người ứng-cử ở những khu có nhiều phiếu trắng ấy là người không xứng-ý của cử-tri, còn những người ứng-cử ở những khu không phải bầu lại ấy cũng vị-lật đều là người đã đủ cho cử-tri tin cậy cả đầu. Duy có một điều chúng tôi phải để ý đến những cái phiếu trắng ấy, nhất là những phiếu ấy ở những khu nhân-dân nhà quê, để định lấy cái giá-trị của nó.

Chúng ta phải biết, ở những khu nhà quê, người mang cái phiếu đi bầu không phải là dung-dị. Mỗi khu bầu là ba bốn huyện hợp lại, người ở xa phải đi hai ba mươi cây số mới tới nơi bầu. Phải ăn chực năm chờ một hai ngày, vất-vả tốn-phi không ít. Người đi bầu hầu hết là tổng-lý hương-hội, là người làm ăn, ít có cái óc chính-trị mới, tại vốn mang tiếng có linh vị-lợi, không điều-ngoan thì khừ-khờ. Gia-chi dĩ dương cái kỳ kinh-lẽ khôn-quần như năm nay, trong tay sẵn có cái vật bán được, ước sẽ hơn về không, thì tội gì mà không lợi-dụng: Còn về bên ứng-cử kia, bấy lâu nay đã thành lệ kể nào đã ra ứng-cử, đối với cử-tri tất phải lo-liệu lấy ba cái lễ là tiền nhiều rượu ngon và nói khéo. Tùy thế mà dùng, nếu tranh nhau thì tốn-phi phải bội-số. Ấy thế mà nếu bầu một lần không thành phải bầu lại, thì cử-tri với ứng-

cử hai bên đều còn phải vất-vả tốn hại nhiều. Cứ mấy tình-trạng ấy đủ khiến cho bên ứng-cử phải cố vận-động trong kỳ đầu-phiếu ấy cho được. Còn bên cử-tri cầu-thả bầu ai thì bầu cho xong, miễn cho xong việc quan thì thôi, không phải lại đi lần nữa. Thế mà ngờ đâu khi mở hộp phiếu ra, phần nhiều là phiếu trắng là cái phiếu không thuận bầu cho người ứng-cử nào ở đó.

Thế thì ra số đông cử-tri ấy thực không ham tiền nhiều, rượu ngon và lời nói khéo, mà chỉ cần tìm lấy người xứng-dáng thay mặt cho mình mà thôi. Nay những người mà mình đã không tin để giao cái quyền của dân cho họ được, thì đành có phải đi bầu lần nữa tốn-kém vất-vả cũng cam chịu không bầu liêu. Việc là việc bõn-phận mình, không phải như việc quan mọi khi mà dám cầu-thả cho tắc-trách. Vậy cái phiếu trắng trong những khu phải bầu lại năm nay ấy, có thể ví như có gáo kén chông, nếu chưa gặp ai đáng mặt tán-lang, thì đành bầm bụng gối chiếc phòng không để đợi, quyết không bị bọn dễ-cùi lột mã lừa gạt mà đem hồng ngậm cho chuật vọc.

B) Về bên ứng-cử.— Chẳng quí cũng chỉ là vì cái phương-châm chính-trị nước nhà bấy lâu chưa ngã hẳn về bên nào, nên trong nghị-trường dân-biểu bấy lâu ít mặt trí-thức ra ứng-cử. Trong nghị-trường có hai phái nghị-viên là phái mua danh với phái chính-phủ đặc-cử. Phái mua danh cố-nhiên không biết việc gì mà làm, còn phái đặc-cử tuy là hạng học-thức, nhưng cũng có người không phải bản-lân muốn ra, nên cũng không chịu làm việc. Người đời cho mỗi năm một kỳ hội đồng là một trò hài-kịch, không phải là không có cơ. Gần đây cái phương-châm chính-trị nước ta dường như đ

lộ định-hướng, khóa vừa qua phần chĩ trong nghị-viên phải đặc-cử đã có người chịu làm việc, phần thì Chính-phủ lại càng thêm quyền-hạn cho nghị-viên. Nên khóa này đã có mấy nhà có trí-thức ra ứng-cử nghị-viên, nào là Bác-sĩ về luật-khoa, Giáo-sư có danh tiếng đều có người ra cả. Thực là một cái điềm hay, một sự đáng mừng cho tiền đồ chính-trị xứ ta vậy. Trước khi làm việc phải cần có người, có người rồi thì việc mới có thể hi-vọng được. Đến khi có người mà không được việc bây giờ ta sẽ trách. Chứ không thì trách người thanh-mạnh không biết phân đẹp xấu, trách kẻ cảm-ngong không biết kể chuyện Kiền, thì trách làm chĩ cho ổng

Kỳ tổng-tuyên-cử này lại có cái vẻ lạc-quan về cách cạnh-tranh nào-nhiệt, tuy có nơi đối với cuộc đấu-phiếu ra về lành-đạm, nhưng có nơi cạnh-tranh rất là kịch-liệt, tức như khu Võ-giảng Bắc-ninh và khu thứ nhất Hà-nội, là vì có hai phái mới cử ra ứng-cử tranh nhau, mà bên cử-tri lại có nhiều hạng sinh-viên tân-học ra đấu phiếu, muốn tranh lèo giạt giải cho hạng tân-nhân-vật được thắng-phiếu hơn, nên mới diễn ra một trường cạnh-tranh nào-nhiệt. Xem ngay như khu thứ nhất Hà-nội, hôm đã phiếu đông đến hơn nghìn người, chen-chúc nhau vào bỏ phiếu suốt từ sáng đến chiều; mà người ra ứng-cử lại là hai tay học-thức đối-thủ, người cử-tri biết kén-chọn lấy ai cho xứng-đáng bây giờ? Bên tân-thanh-niên thì chú-ý về người mới, bên cựu-tri-thức thì lại chú-ý về người cũ; người mới người cũ lại học cũng như nhau. Thì cái lòng ltn-nhiệm của cử-tri đối với hai người cũng coi ngang như nhau, tất là số phiếu phải phân-đổi, cuộc thắng-phụ

chỉ tranh nhau trong một tiếng bạc «xanh chín». Tuy rằng kết-cục một bên thua một bên được, nhưng bên thua cũng đủ tỏ ra rằng bạn thanh-niên ta đã có lòng sôi-sảng đua chen về đường dân-chính tự-trị, tỏ ra cái quang-cảnh nào-nhiệt lạ thường. Tiền-đồ học-thức nước nhà có cái hi-vọng về bọn thanh-niên tân-tiến này nhiều lắm.

Tóm lại, xem hai việc của cử-tri và ứng-cử trên ấy thì cái trí-thức về dân-trị ở nước ta từ khóa này đã thấy có thay đổi, dù còn nhiều khu khác vẫn còn đeo cái óc cũ mặc-lòng. Nhưng mà nghị-viên có được người hay không, quan-hệ nhất ở bên cử-tri. Nghị-viên tuy là nơi mưu bàn việc nước, là nơi bày tỏ nguyện-vọng của quốc-dân ra cùng chính-phủ, song những người thay mặt cho quốc-dân ra đó có tư-cách xứng-đáng mới thực-hành được. Thế mà nghị-viên có tư-cách xứng-đáng hay không lại là do ở cử-tri bầu cử ra. Mỗi cử-tri được một cái phiếu được tự-do chọn người, nhưng nhất là những cử-tri đang làm hương-chức và cử-tri tuổi còn thanh-niên, đã biết phiếu ấy là phần quyền-lợi của cả làng của cả xứ-sở, chứ không phải của mình. Vậy nếu cử-tri nào cũng biết qui bầu cái phiếu ấy, vì mình vì làng, vì xứ-sở mà kén người, tỏ cho người ta biết không thể lấy tiền bạc, lấy miếng ăn, lấy lời nói khéo mà dụ mình lừa mình được, thì một vài lần như thế, kẻ không có tư-cách tự xấu hổ, biết nhân-dân trong hạt không phải trẻ con, không có thể lừa-dối được, tự-nhiên không dám ra ứng-cử để cầu may chước lấy hư-danh nữa. Bây giờ người thực có tài có trí mới được rộng đường để ra mà cống-hiến cho dân cho nước nhà.

Nguyễn Trọng-Thuật

MỘT BÀI PHONG-DAO VỀ THỂ LUẬN-LÝ VÀ TƯ-TUỞNG GIẢI-PHÓNG

— Cô kia khăn trắng tang ai ?
— Nhất tang cha mẹ, thứ hai tang chồng.
— Tang chồng thì vắt tang đi,
Tang cha tang mẹ ta thì tang chung.

Bài phong-đạo này không biết ai làm và làm từ đời nào, nhưng chắc là có đã lâu, trước khi chưa có tây-học.

Bài này tuy là lời hát ve gái của bọn trai thiếu-niên lãng-mạn, nhưng có nhiều ý-nghĩ mới-mẻ, mới về thể-tài của bài thơ, mới về cái tư-tưởng giải-phóng. Thể-tài bài thơ này là lối luận-lý (*Logique*), tư-tưởng là muốn giải-phóng cho cái cấm-lệ kết-hôn trong kỷ đại-tang. Thực là đến ngày nay mà vẫn còn mới. Nghĩa là việc đời cái gì biết là hay mà chưa làm được, biết là dở mà chưa cải được, thì sự biết đó dẫu mấy nghìn muôn đời vẫn cứ mới mãi. Hễ đến bao giờ cái hay kia đã đem thực-hành thịnh-vượng, cái dở nọ đã cải bỏ đi hết rồi, thì cái biết ấy bấy giờ nó mới là cũ.

Coi đó thì biết bài thơ này không phải do kẻ tầm-thường ít học làm được, mà cũng không phải do kẻ học-thức non hèn câu-chấp dám nghĩ tới. Tuy thể nhưng mà về ngày xưa, ngày chưa có tân-học, thì bài thơ này tất không được những nhà mô-phạm nghiêm-khắc để ý đến. Mà các nhà ấy có nghe tới cũng cho là cái ý-nghĩ lão-lếu, phóng

tụng vô-hạnh của bọn trai thôn-dã vô-học mà thôi.

Xưa nay nhiều cái ý-tưởng rất hay rất mới mà chỉ vì nó ra đời sớm quá, sớm trước cái trình-độ của dân-trí, thường bị vùi dập rồi tiêu-diệt đi như thể không phải là ít. Mà bất là những cái ý-tưởng rất mới rất hay ấy nó lại ần-ngụ vào ở trong những việc tầm-thường thì lại càng ít kẻ thêm xét tới.

Phải biết ở trong chỗ bần-thiếu mà thường có nhiều vật-chất hữu-dụng, ở trong những câu tục-ngạn quê mùa, thường có nhiều ý-tưởng hay. Trần Thái-tôn cũng nói đi đừng ăn uống và ỉa đái, đều là phép Phật, thì sự giảng-câu nghĩa-lý có cứ gì phải tìm đến những chỗ cao-xa ở đâu đâu mới được. Cho nên nhà khoa-học chớ thấy những vật bần-thiếu mà bỏ qua; nhà triết-học đừng thấy những lời của kẻ nghèo hèn thường nói mà khinh-bĩ. Vậy đem bài phong-đạo trên đây, giải-bàn ra sau này cho biết những ý-tưởng mới là thế nào.

Thể nào là thể luận-lý. — Bài thơ này viết thể tam-đoạn-luận trong phép luận-lý. Luận-lý là một khoa trong triết-học Thái-Tây, để suy tìm xét đoán về chân-lý. Có nhiều phương-pháp mà tam-đoạn-luận là một phương-pháp

thông-dụng đã lâu, sáng ra từ ARISTOTE đời thượng-cổ. Khi muốn xét đoán sự gì thì chia lời bàn ra làm ba đoạn : Đoạn thứ nhất là lời hỏi. Đoạn thứ hai là lời giải và đoạn thứ ba là lời kết-luận. Bài phong-đạo này tức là phép tam-segmen-luận ấy.

Nguyên đại-ý bài này là một anh con trai thấy một cô con gái đi đường mà có đại-tang. Người con gái thơ-yếu còn son mà có đại-tang, và ra dáng buồn rầu thì phi tang cha mẹ để tất tang chồng. Tang cha mẹ và tang chồng đều ba năm, phải giữ lễ thủ-tiết. Đối với một cô gái còn đào tơ liễu yếu mà phận hẩm duyên ôi như thế. Nếu tang ấy mà là tang cha mẹ thì ai là người sẽ gây dựng chủ-trương sự duyên-phận sau này cho. Hoặc tang ấy mà là tang chồng thì nhận lễ oanh loi, đốt quang gầy đòn gánh giữa đường lại càng dở-dang thêm khổ. Thấy tình-cảnh ấy ai mà không động lòng thương cho cái bông hoa bơ-vơ mưa nắng, nhất là bạn trẻ họ với nhau lại càng dễ cảm. Song theo lễ-tục, nhất là người con gái có đại-tang càng phải giữ mình, bao giờ cũng tỏ ra ý-tử nghiêm-khắc, mà lánh xa những chỗ tình-duyên hoặc vui chơi cợt nhả. Anh con trai này thương cô và biết ý cô như thế, bèn lấy giọng hoạt-kê, ý đạt-quan, nghĩa giải-phóng, vừa hỏi vừa giải vừa kết-luận một cách lý-sự ráo-riết, dễ an-ủi cô mà câu-thân với cô. Nay đặt theo phép tam-segmen-luận thì bài ấy có nghĩa như thế này :

1) *Lời hỏi* : - Cô kia khăn trắng để tang ai ?

2) *Lời giải* : - Con gái mà có đại-tang thì phi tang cha mẹ tất tang chồng. Nhưng đại-tang phải ba năm thì còn gì là xuân.

3) *Lời kết-luận*. - Vậy tang chồng thì vất đi mà tang cha mẹ thì cho tôi cùng cô, ta cùng để tang chung.

Đây chưa bàn đến ý-nghĩa của lời thơ còn có chỗ vụng, mà hăng nói về thể-tài của thơ, thì cách tập-luận như thế không phải là phép tam-segmen-luận trong lô-dịch (*logique*) là gì.

Nhưng tiếc rằng đã biết lập-luận có phương-pháp như thế mà sao không biết đem dùng vào trong thể-văn luật-thuyết, và phát huy cuo mở rộng ra. Hay là cũng ngẫu-nhiên mà thành ra, chứ không phải dụng-ý mà lập được. Cho nên mới chỉ có một bài thơ này viết lối ấy mà thôi.

Thể nào là ý-tư tưởng giải phóng. - Trong kỳ đại-tang theo lễ-tục có nhiều điều cấm-kỵ. Các cái lỗi khác như dự vào chốn vui mừng cao-tình duyên thì dự-luận chỉ chế cười mà thôi. Còn phạm vào điều kết-hôn trong kỳ đại-tang thì pháp-luật còn nghiêm-trị.

Đây nói về tang cha mẹ trước, sau sẽ nói đến tang chồng. Luật cấm không những trai gái có tang cha mẹ ba năm, mà có tang ông bà chú bác một năm cũng không được kết-hôn với nhau. Lại cả người chủ-hôn tức là cha mẹ hoặc chú bác và anh, có tang một năm trở lên cũng không được dựng vợ gả chồng cho những hạng con cháu hoặc em mình ấy. Ấy cũng vì thế mà thường có nhiều người con trai con gái nhất là người con gái, đã đến thời mà chưa đính-hôn với ai, xây trong nhà kế-tiếp một vài cái tang trọng, thế là người con em bất-hạnh ấy đều bị lỡ cả xuân-xanh một thời.

Hiếu với cha mẹ, không biết thế nào là cùng. Sự để tang chỉ là cái lễ-văn bề ngoài. Thế mà cấm kết-hôn trong thời-

kỳ đại-tang dài dằng, đặc để lỡ thời cho con cái, thì kẻ làm cha mẹ lòng nào mà muốn như thế, chẳng qua chỉ vì thế-tục cổ-chấp mà đặt ra để bó-buộc nhau đó thôi. Bởi vậy người con trai này bảo người con gái khăn trắng ấy : Nếu mà cô có tang cha mẹ thì cũng cứ tự-do cùng tôi đính-ước và kết-hôn với nhau được. Vì rằng đã chung thân-phận, chung cha mẹ thì cho chung nhau mà cùng để tang, có hại gì đến lòng hiếu-niệm. Nếu câu-chấp thủ-lễ, để lỡ mất duyên trời, lỡ mất xuân-xanh, thì có thiệt-thòi lắm không?

Fó là ý tác-giả bài này không nói nên đoán-tang mà chính là ý muốn giảm ngăn cái tang ba năm đi đó.

Ở về thời-dại trước khi chưa thân-nhập Tây-học, lễ-văn câu-thức, tư-tưởng không được tự-do, thế mà kẻ làm bài thơ này dám phạm vào một điều cấm-lệ để giải-phóng cho ái-tình bạn trẻ, vậy biết kẻ này thực có ý-kiến mới-mẻ và lòng can-đảm.

Còn như tang chồng, xã-hội Việt-Nam đối với người gái góa tuy có khuyến-khích thói thủ-tiết, nhưng là khuyến-khích với kẻ đặc-biệt đó thôi. Chứ thông-thường thì người gái góa tùy thân-thể tùy ý-nguyện, vẫn được tự-do đi tái-giá, pháp-luật không ngăn cấm, phong-tục không trở-ngại. Người nào còn trẻ, chưa có con hoặc ít con, thì họ hàng lại công-nhiên khuyên nên đi lần cầu nữa. Không có cái thói góa trẻ mà dốt mình theo chồng như tục Ấn-độ, hoặc cắt tóc đi tu như tục Nhật-bản. Cho nên tục có câu : " Gái góa vợ làng ". Nghĩa là người làng ai muốn ước-ao giạm hỏi cũng được.

Vậy thì ngày nay ta cũng không cần phải bắt chước cái luận-diệu ở Nhật bản phải khuyên người gái góa còn trẻ chưa có con nên đi tái-giá nữa. Duy người gái góa có nhiều tình-trạng phải đi tái-giá mà bắt phải giữ trọn tang chồng ba năm, thì điều ấy còn khi bắt công một chút.

Kẻ chết thiệt-phận đã yên, phần dờ kẻ sống còn dài : « *Chàng về nghiệp ấy đã yên, để cho người khác cầm quyền thay đũa liêu-nhi.* » Nghe câu phong dao tả lời khóc của người gái góa trẻ ấy, ai không phải thương. Thế mà chồng để tang vợ có một năm, vợ chết, chằng có thể đắp chiếu cho vợ nằm đấy mà đi lấy vợ khác ngay được. Vợ thì phải để tang chồng ba năm, đoạn-tang rồi mới được đi tái-giá. Người gái góa vì hi-sinh với ái-tình mà tự ý không muốn bắc cầu nữa thì không phải nói. Nhưng người vì thân-thể còn phải đi bước nữa, mà tang-tóc trực-tiết ba năm, có khi xảy gặp kẻ-tiếp vài trọng-tang nữa mà lỡ cả đời người là thương, đã bất-hạnh lại thêm bất-hạnh. Như thế không phải là còn bất-công dư ?

Cứ những cơ trên ấy thì anh con trai này đoán cô con gái ấy dù có tang chồng, anh cũng xin cầu thân, thì đạo-đức cũng không nên ngăn cấm mà nên dung-thứ. Nhưng anh nói : « *Tang chồng thì vứt tang đi* », tuy ngụ ý hoạt-kê, nhưng cũng là quá ích-ký và lời-lẽ còn vụng lắm.

Sao vậy ? Rõ thủy chia toan là sự rất bất-hạnh của đời người, ai muốn chi thế. Cho nên trai có nhớ vợ cũ, gái có nhớ chồng xưa, mới là người có tâm-tình. Người thân-tình mới là

người đang chuốc. Nay anh bảo người ta dù có tang chồng cũng vứt đi mà theo anh, nếu người gái góa ấy mà là người thâm-tình thì lời ấy càng thêm kích-nô cho người ta, mà đến phải giận và cự-tuyệt anh. Thế không phải là lời nói còn vụng dư? Như anh thì bài thơ này nên đổi lại hai câu kết-luận như thế này :

— Tang cha tang mẹ tang chung,
Tang chồng đi nữa ta cùng để tang.

Ừ mà cũng phải. Vợ kẻ phải để tang vợ trước, thì chồng kẻ cũng nên để tang chồng xưa, có thiệt gì. Ở đời chịu ơn phải trả. Kẻ nào thừa-kế một cái di-sản của ai, cũng phải kỷ-niệm. Nay thừa-kế một cái di-sản bằng ái-tình, còn trọng-dại biết bao, há không nên cùng người gái góa ấy cùng để tang người thiệt-phận mà tổ lòng cảm ơn

hay sao. Nếu anh nói như thế, người gái góa trẻ ấy dù có thâm-tình với người xưa cũng đủ an-ủi. Thế mà anh này chưa chi đã vội xui ngay người ta đoạn tuyệt và bội-bạc với cái nghĩa cũ mà *«vứt tang đi»*, thật là chỉ biết ích mình. Bởi vậy nhiều người gái góa còn trẻ, mới được một hoặc hai mụn con, còn muốn đi tái-giá, nhưng chỉ sợ người chồng sau ích-kỷ quá, không thương đến còn riêng mình, mà đành chịu cảnh bỏ quê xuân-xanh, ở vậy nuôi con cho trọn kiếp. Vậy những người đàn-ông thương đến gái góa, đừng nên xử bạc với nghĩa cũ hoặc ở tẻ với con riêng vợ, thì còn ai giữ người gái góa không cho đi lấy chồng nữa làm gì.

Hải-hạc



— GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC —

家庭教育 (1)



II

Giáo-dục phải theo trình-độ của trẻ con

Dạy đứa trẻ nào mà không biết theo trình-độ của đứa ấy để dạy cho nó, thì không khác gì người mẹ muốn con chóng lớn, đem những giò hoa chả lụa bôn cho những đứa con còn bú. Làm thế mẹ vừa vất-vả mà có hại cho cái dạ dày của con. Ông thầy không biết lựa trình-độ học-trò, bạ môn gì cũng đem dạy, không xét xem học-trò có thể hiểu được hay là không. Như thế chỉ thêm làm cho học-trò sợ. Học-trò lớn thì không ngại nó sợ những môn học, nhưng học-trò nhỏ thì không nên để cho nó sinh sợ những môn học.

Xem nhiều người cha mẹ dạy con ngày nay, có hai cái bệnh gần : Một bệnh là không mong cho con hay, con đã lớn bảy tám tuổi mà cũng không cho học chữ, không cho đi nhà trường. Hạng cha mẹ này là làm hại con, không đủ kể. Nhưng lại còn một hạng cha mẹ có một bệnh là muốn cho con chóng hay quá. Con mới lên ba bốn tuổi, vừa mới bập-bẹ biết nói đã dạy nó học chữ rồi. Hôm nay nó thuộc được răm chữ thì ngày mai đã bắt học thêm đến 10 chữ rồi. Con lơ quên một chữ, bèn

đánh mắng âm-ỹ. Trong bụng những người cha mẹ ấy chỉ bực rằng không làm thế nào cho đứa con thơ mình chóng thành ra ông thánh không được. Nhưng có biết đâu rằng cái óc của trẻ con phải tùy theo tuổi của nó. Tuổi còn nhỏ thì óc chưa đầy đủ. Nếu đứa trẻ dốt thì đánh chết nó cũng thế thôi. Còn đứa trẻ sáng dạ, thì ba bốn tuổi cũng có thể dạy cho nhận những chữ cái được. Nhưng không nên hôm nay thêm mấy chữ ngày mai lại thêm mấy chữ. Thêm mãi đến khi nó không kham nổi bèn đánh mắng làm rất khổ-sở. Như thế nếu có đứa trẻ sáng dạ cũng bị cha mẹ làm mù đi.

Thường thấy có nhiều đứa trẻ lúc nhỏ rất thông-minh, sau lớn càng ngày càng dốt mãi đi. Đó là chỉ vì cái cơ chế mẹ với thầy đem dùng cái thông-mini của nó sớm quá mà kiệt đi.

Ngựa thiên-lý thì ngày chạy được nghìn dặm, nhưng đó là nói về con ngựa cường-tráng. Còn như con ngựa tuy giống thiên-lý-mã nhưng còn non mề đã bắt ép nó phải chạy. Hôm nay ép nó chạy được hai trăm dặm, ngày mai đi ép nó chạy ba trăm dặm. Nó là giống ngựa hay, thì tuổi còn non cũng có thể ép nó mà nó cố gắng được. Nhưng cần

(1) Xem N. P. từ số 193.

lực nó chưa sung-lực, đã vội dùng sớm quá và kiệt đi quá. Đến cái tuổi mà nó đang chạy được ngày nghìn dặm, thì thành ra chạy một trăm dặm cũng không được.

Như thế không phải là lỗi ở con ngựa, mà chính lỗi ở người cưỡi ngựa gây nên. Hiểu như thế thì gặp đứa con dốt, cha mẹ nên thương nó, gặp đứa con thông-minh, cha mẹ nên dành sức cho nó.

Con chưa nói sỏi, thì đừng bắt nó học chữ vội. Xem sức nó có thể học được mười chữ thì chỉ nên dạy cho nó học năm chữ mà thôi. Không những không nên dùng hết sức thông-minh của nó, mà lại phải để dành cho nó thừa sức mà được thư-thái trong lòng.

Dạy một lần nó không hiểu, thì chịu yên tâm để lần khác lại dạy. Không những không nên đánh mắng, mà lại phải lấy lời êm-ái để dỗ-dành nó, cho nó khỏi sợ hoảng. Hoặc là cho nó nghỉ một lúc để sức óc tỉnh lại rồi lại dạy.

Đó là phép dạy trẻ con nhận chữ ở nhà. Nay lại nói về cách đưa đi nhà trường. Con chưa đến tuổi học, thì dù nó có sáng dạ cũng không nên cho đi nhà trường vội. Bao giờ con đã đến tuổi đi học rồi mới nên cho đi. Như con mình bầm-thụ yếu-duối thì phải nói chuyện với thầy giáo, đem trình-độ của con mình nói tường-đề thầy giáo liệu chám-chước mà tìm cách dạy nó cho hợp-thức. Chứ quyết không nên làm-hồ mà cứ tổng liêu con ra đấy.

Tóm lại, không biết dạy con cái cố-nhiên là trái với cái bổn-phận làm cha mẹ. Nhưng dạy mà cấp-lốc quá cũng lại là cái ý không tốt. Một là muốn con chóng hay quá. Hai là bởi cái tư-tâm định nhờ con làm nên danh-giá thay cho mình.

Làm nên danh-dự để vẻ-vang cha mẹ, cố-nhiên là bổn-phận kẻ làm con. Còn kẻ làm cha mẹ chỉ nghĩ làm cho hết bổn-phận giáo-dục của mình hiện giờ, mà bất-tất tưởng đến cái sự nó sẽ làm vẻ-vang để báo-đáp cho mình sau này. Nếu vì sau này thì lại là bởi lòng tư. Như quả chỉ vì muốn cầu danh-dự cho mình mà không nghĩ gì đến sự sống chết của con, không xem xét tuổi của con đã đến chưa, thông-minh đã khả-phát chưa, cứ một mực bắt ép con, không nghĩ gì đến chỗ khổ-số của nó, làm như thế phản-thành ra vui-rạp cả thông-minh, hoặc làm hư-hoại cả thân-thể của con. Thế là cha mẹ làm hại mất đứa con tốt của mình đi đó.

Cách giáo-dục bằng khí-tượng gia-đình

Khí-tượng là cái hình khuôn gì thì trong nhà là cái hình khuôn ấy, trẻ con trong nhà cũng biến-theo cái hình khuôn của cái khí-tượng ấy.

Cho nên khí-tượng gia-đình cũng như cái cột gỗ, trẻ con cũng như cái bóng của cột gỗ ấy. Gỗ ngay thì bóng ngay, gỗ cong thì bóng cong, lẽ tất-nhiên không sai một chút.

Ví-dụ cha mẹ ngày nào cũng dạy con hòa-vui với nhau, nhưng cái hình-khuôn trong nhà vốn là lục-đục, thì thế nào con cái cũng thành ra thói tranh-khi nhau. Lại ví-dụ cha mẹ ngày nào cũng dạy con cần-thận, nhưng cái hình-khuôn trong nhà vốn là lưỡi-biếng, thì thế nào con cái cũng biến ra cái tính ương-hèn. Thế gọi là khí-tượng gia-đình. Cái khí-tượng gia-đình ấy, không những kẻ làm cha mẹ hằng ngày phải xét kỹ, đừng để gây thành hình khuôn cho con cái tập-nhiêm. Mà dù người làm chú, bác, cô,

đi, thím, mẹ cũng cần phải giúp mà dựng nên cái khuôn-hình ấy cho tử-tế mới được.

Thế cho nên như cha mẹ vốn là người cực hòa-khi, cực cần-thận, mà chú, bác, cô, di lại cực là lục-đục, cực là lười-biếng, thì trẻ con non da học cái hay rất khó, mà học cái dở rất dễ, trong cái chỗ bất-tri bất-giác, chúng đã lia bỏ cái khuôn-hình hay của cha mẹ mà đi học-tập cái khuôn-hình dở của bà cô chú bác bao giờ rồi.

Cũng vì những duyên-cớ ấy mà cái trách-nhiệm gia-đình giáo-dục không những bản-thân kẻ làm cha mẹ phải gánh. Vậy kẻ làm cha mẹ muốn dạy cho con cái, trước phải đem mà khuyên dạy cho tất cả anh em chị em trong nhà mình đã. Gia-đình đã thành ra một cái hình-khuôn rất là hoàn-toàn tốt đẹp, thì con cái phải thành ra người tốt. Cha mẹ tự đem cái hình-khuôn hồng để dạy con, thì con cố-nhiên không thành hay được. Song nếu chỉ có một mình cha mẹ đem cái hình-khuôn hay để dạy con, ngoài ra mặc cho người nhà cứ làm theo cái hình-khuôn bậy-bạ, thì con cũng không thể nào hay được.

Nghĩ tới chỗ đó thì biết việc trị-gia là công-phu tầng thứ nhất, mà việc dạy con còn là cái công-phu tầng thứ hai. Cho nên phép dạy con xưa nay, không những chỉ nuôi cho con, mà cần phải làm cho gia-đình thành một cái hình-khuôn tốt trước đã, để mà làm phép cho chúng. Ngay từ khi con còn ở trong thai, đã phải có cái khuôn-hình tốt để dạy nó rồi. Phép ấy gọi là *thai-giáo*. Có một nhà kia có hai đứa con, người mẹ nó thì vốn bầm-tính nhu-hòa, đứa con thứ hai cũng rất giống tính mẹ. Còn đứa con lớn thì lại rất trái-ngược. Có người hỏi người mẹ

nó rằng: « Cùng một khi-huyết mà sẽ hai đứa con lại khác tính nhau? Người mẹ nói: « Khi tôi có mang thằng cháu lớn, thì thầy nó cứ đi làm những sự lỗi-thối ở ngoài. Tôi tu mồm không nói ra, mà trong bụng rả không bằng lòng. Cho nên sinh ra thằng cháu lớn này, tính-khí nó giống như lúc tôi đang có mang nó ».

Coi đó thì biết không những khi-tượng trong gia-đình rất quan-hệ cho con cái trong nhà, mà ngay từ lúc còn ở trong thai, cũng đã cần phải quan-hệ đến khi-tượng của cha mẹ rồi. Không những chỉ quan-hệ ở cái khi-tượng ngoài mặt, mà còn quan-hệ đến chỗ tâm-sự ở trong lòng nữa.

Bàn thêm. — Cái học thai-giáo ở Đông-phương có đã lâu, ngày nay khoa-học thịnh, kinh-nghiệm nhiều, người ta lại mới có cái học tiến-chủng, dùng đến từ trước cái học thai-giáo.

Cái học thai-giáo quan-hệ ở người mẹ, mà cái học tiến-chủng thì quan-hệ ở cả hai người cha mẹ.

Tiến-chủng nghĩa là làm cho giống nòi ngày một tốt hơn, tốt về thể-chất, tốt về tinh-thần. Về thể-chất phải chú-trọng vào vấn-đề vệ-sinh, để giữ cho cha mẹ đều khỏe mạnh lạnh-lặn. Về tinh-thần phải chú-trọng vào vấn-đề đạo-đức.

Vấn-đề vệ-sinh ai cũng đã hiểu, còn về vấn-đề đạo-đức thì nó lại càng quan-hệ cho tính-tình mà rất mầu-nhiệm, nên ít người hay. Phải biết người ta quan-hệ ở giống-nòi, tính-tình di-truyền rất sâu xa, có nguyên-nhân xa, có nguyên-nhân gần. Nguyên-nhân xa là do ở tổ-tiên, ở dân-tộc. Nguyên-nhân gần là do ở cha mẹ. Nguyên-nhân xa thì biến-đổi lâu, mà nguyên-nhân gần thì biến-đổi chóng.

Thế cho nên muốn cho con cái được truyền-nhiệm những tính-tình tốt, kẻ làm cha mẹ phải cùng nhau tu-dưỡng lấy cho mình có những tính-tình tốt, mà tẩy-trừ những tính-tình xấu đi. Nói tóm lại là từ điều nghĩ, lời nói, đến việc làm hằng ngày đều phải lấy đạo-đức quang-mỹ-hạnh-chân-chính làm mẫu mực, mà không dám dề còn một chút gian-tà giả-dối gì. Như thế hai cái tinh-thần tốt-lành mới cùng nhau giao-cảm, mà chú-tạo nên cái vật thứ ba là con cái cũng lương-hảo được.

Ngạn ta có câu : « Con nhà giòng buộc cổ mà lời, lời đi lời lại cũng con nhà giòng ». Do tiếng « *giòng* » có hai nghĩa. Một thì *giòng* là giòng-giống, một thì *giòng* là buộc dây mà thả xuống. Nên câu ngạn này người ta dùng cả hai nghĩa vừa đề ví-dụ vừa đề khòihài. Nghĩa là đứa con nhà giòng-giống tốt thì dù bị cảnh-ngộ lời kéo khốn-khổ thế nào, rồi ra nó cũng lại thành ra cái giống tốt. Đó là cái giống hay dở chứ không phải là cái giống sang hèn. Nhưng đã hay thì sao lại không tự-lập được. Ngạn ta lại có câu : « Rau nào sâu ấy », đó là nói con cái không thể nào sai với cái giống của cha mẹ, như con sâu không thể sai với cái lá rau của nó đã nhờ mà nuôi sống nên nó được.

Vậy những kẻ có con cái hư-hỏng, không chịu nhận lỗi, mà nói : « cha sinh con, trời sinh tính », thật là lầm.

Cha mẹ phải cùng chịu trách-nhiệm giáo-dục, không nên gờ cho con trẻ phân ra bên khinh bên trọng, bên thân bên sơ

Phần nhiều con trẻ các nhà, hay tàn-thiết với mẹ mà hờ-hững với cha, lại hay coi trọng cha mà coi thường mẹ.

Xét ra bệnh đó là do người cha chỉ giữ một việc dạy con, vì thế khiến cho con coi trọng cha mà sinh lòng sợ-hãi cha. Trong chỗ không ngờ thành ra cái ý ơ-hờ với cha mà không biết.

Người mẹ chỉ giữ một việc nuôi con, vì thế khiến cho con càng thân-thiết với mẹ, mà sinh lòng yêu mến mẹ. Trong chỗ không ngờ thành ra cái ý coi thường mẹ mà không biết.

Như thế là chỉ vì người làm mẹ không biết rằng mình cũng phải kiêm cả việc dạy bảo cai-quản con cái nữa. Khi thấy con cái có điều lầm lỗi, không cấm chỉ ngay đi, lại dọa nó rằng : tao sẽ mách thầy mày cho. Thế là mình đem việc cai-quản mà dồn cả cho người làm cha, trẻ thơ biết gì, thấy thế chúng tưởng chỉ có cha mới cai-quản được nó. Vì vậy một mặt chúng sợ hãi cha như gà sợ hãi cáo, một mặt chúng coi thường mẹ không hơn gì vú ở con đòi mầy.

Lại người làm cha không biết mình cũng phải kiêm cả việc nuôi nấng con cái. Ngày thường xa cách với con cái, trừ cái khi chúng hư, phải đánh mắng âm-ỹ ra, không có để ý yêu giầu gì đến chúng. Bởi vậy con cái nó thấy chỉ có mẹ là yêu thương nó, tự-nhiên nó sinh ra ơ-hờ với cha.

Coi đó thì biết sở dĩ con cái mà sinh ra cái chứng bệnh trọng cha nhờn mẹ, thân-thiết mẹ mà ơ-hờ cha là chỉ tại người làm cha quên mất cái chức-phận nuôi-nấng con cái, người làm mẹ quên mất cái chức-phận dạy dỗ con cái đó mà thôi.

Lại còn một hạng người mẹ không hiền lành. Không biết rằng trẻ con vốn đã hay ơ-hờ với cha nó rồi, lại còn cứ nói : Thầy mày vẫn đe đấy. Rồi bèn che giấu lỗi ấy đi cho nó không

cho người cha biết. Làm như thế tưởng là để cho nó càng thân-thiết với mình, nghe lời mình mà chừa nghịch đi, cũng là cách mượn oai để dạy. Nhưng có biết đâu trẻ con vì thế thành ơ-hờ với cha, mà cũng khinh-nhờ luôn cả mẹ nữa.

Hạng người cha không biết lẽ. Không nghĩ rằng trẻ con vốn đã hay khinh-nhờ với mẹ nó rồi, lại cứ nhẹ trước mặt con cái mà mắng nhiếc mẹ nó. Làm như thế tưởng là để cho con cái càng coi trọng mình. Nhưng có biết đâu trẻ con nó đã coi mẹ không ra gì, thì nó lại càng ơ-hờ với cha.

Cái cách dạy con cái như thế tức là đem những đứa trẻ thơ có tính-cách tốt, mà gây nên cho nó thành những người to gan dám bất-hiểu với mẹ, bất-hiểu cả với cha đó.

Bây giờ muốn chữa khỏi những chứng bệnh ấy, không còn phép gì bằng kể làm cha vừa phải dạy con lại vừa phải nuôi con. Kể làm mẹ vừa phải nuôi con lại vừa phải dạy con. Cha phải khiến cho con cái tôn-trọng mẹ, mẹ phải khiến cho con cái thân-yêu cha. Cha mẹ đều cùng giữ việc dạy-bảo, con cái tự biết rằng mình làm bậy thì không tránh vào đâu được, và không ai bênh nữa. Như thế tự-nhiên chúng không dám làm bậy. Cha mẹ đều cùng giữ việc nuôi-nấng, con cái tự biết cha mẹ đều là người có công lớn với ta, tự-nhiên chúng không phân bên nào là thân bên nào là sơ nữa, mà hóa thành ra đứa con hiếu-thuận.

Phải phân-biệt hoạt-bát khác với lão-lếu, qui-cử khác với gốc-dại

Tinh-thần trẻ con vốn phải dạy cho nó được hoạt-bát. Nhưng không biết

cách dạy, vô-luận việc gì cũng để mặc cho nó tự-do, quen đi rồi nó thành ra cái tinh lão-lếu. Bây giờ mới bắt nó giữ lại qui-cử thì không được nữa. Trẻ con vốn nên dạy cho nó giữ qui-cử từ bé. Nhưng không biết cách dạy, vô-luận việc gì cũng không cho nó được tự-do. Nó bị bó-buộc chặt tay lẫn rồi thành ra gốc-dại. Bây giờ mới lại xui cho nó hoạt-bát thì khó chữa được nữa.

Có người tưởng lầm tinh hoạt-bát giống như tinh lão-lếu, tinh qui-cử giống như tinh gốc-dại. Nhưng không biết thực là khác nhau xa. Tự-do mà có qui-cử ấy gọi là hoạt-bát. Tự-do mà không có tí qui-cử gì thì gọi là lão-lếu. Không lão-lếu ấy gọi là qui-cử, mà không hoạt-bát thì gọi là gốc-dại. Hai bên giới-hạn khác nhau không sao lầm được. Ví như một cái bãi cỏ chặn trâu bò kia, xung-quanh bãi đã cắm rào sắt cả rồi, trâu bò cứ tha-hồ ăn cỏ uống nước, chạy đi chạy lại nội ở trong cái vùng hàng rào ấy, ấy thế gọi là hoạt-bát. Người chặn trâu bò ấy không nên can-thiệp vào trong đó làm gì. Còn nếu bầy trâu bò ấy mà vượt ra ngoài hàng rào ấy, thế là lão-lếu, người chặn chúng nó không can-thiệp không được, không cho chúng vượt ra ngoài hàng rào, ấy thế là qui-cử đó.

Như chúng vẫn ở trong hàng rào, mà không cho nó được tùy tiện đi ăn đi uống, không cho nó chạy nhón bên nọ sang bên kia; muốn bắt con trâu là giống động-vật ấy, hóa ra cái cày trong giống thực-vật, như vậy thực là gốc-dại đó. Cái ý-nghĩa dạy trẻ con cũng không khác gì sự chặn trâu trong bãi cỏ ấy.

Nói rõ cho dễ hiểu thì trẻ con nó thích nói chuyện gì, cứ để cho nó nói.

thế là hoạt-bát. Nay nhân muốn cho nó cứ tùy-tiện mà ,pói, rồi bèn mặc cho nó nói tục nói ngang, nói những giọng hạ-lưu bậy-bạ cũng không can ngăn, thế là lão-lếu. Bây giờ giữ không cho nó nói tục, nói ngang, nói giọng hạ-lưu bậy-bạ thế là qui-củ. Lại nhân vì không cho nó nói tục, nói ngang, nói giọng hạ-lưu, bèn vô-luận là nói về cách nào cũng không cho, chẳng khác gì như bịt lấy miệng của nó, như thế là ngọc-dại vậy.

Phân-biệt như thế coi như rất tử-mĩ, mà thực là rất minh-bạch. Như thế thì kẻ sợ bạn không chịu chăm dạy-dỗ cho con cái, mượn tiếng là để cho chúng hoạt-bát, nhưng thực là để cho chúng sẽ thành lão-lếu. Còn kẻ miễn chăm sự dạy-dỗ con cái, chỉ lo con không có qui-củ, thì không biết như thế lại hóa cho con thành ra cái dở vô-dụng. Hai hạng cha mẹ ấy đều là có bệnh gàn cả.

Nếu kẻ làm cha mẹ chịu suy xét những điều trên ấy cho rõ-ràng, phân-biệt cho biết hoạt-bat khác với lão-lếu, qui-củ khác với ngọc-dại, ra dùng lấy phép dạy-dỗ cho thích đáng, để gây nền cho con cái thành ra hoạt bát mà không lão-lếu, qui-củ mà không ngọc-dại, thì tự-nhiên là thành được sự giáo-dục hoàn-mĩ về gia-đình.

Vì bằng làm không đến nơi đến chốn, thiên về mặt hoạt-bát, để con cái quen tính lão-lếu, hóa thành ra phường hư-hông, thì thả thiên về mặt qui-củ, dù con cái có hóa thành ra bọn ngọc-dại, nhưng cũng vẫn là hạng người lãnh-hiễn còn hơn.

Giáo-dục về điều nhân

Nhân là lương-tâm, là lòng lành. Những cái lòng yêu người yêu vật đều

là lương-tâm. Những khi con trẻ nô-chơi, hoặc nó thấy con chuồn-chuồn bèn bắt rồi lấy dây buộc để chơi, hoặc nó đánh con nhện và phá màng của nó, hoặc nó lấy chân di chết đàn kiến, hoặc nó đập bẻ những nụ hoa chưa nở, hái trây những quả xanh chưa chín, thoát coi thì dường như là những việc nhỏ, mà thực thì đều là những việc không có lương-tâm yêu thương vật-loại cả.

Lại khi nó đánh tôi tớ, mắng vù em, trở người mù người câm mà điều-cười, hoặc nó mắng-nhiếc và độc bụng với những người ăn mày, đó đều là không có lương-tâm yêu thương nhân-loại cả. Những lúc con còn bé dại ấy, cha mẹ không biết ngăn-cấm đi, để chúng quen cái tính không yêu-thương vật-loại đi, rồi dần dần sinh ra cái bụng làm hại người. Quen cái tính không yêu-thương người ngoài đi, rồi dần dần sinh ra cái lòng làm hại cả người trong thân-thích.

Cái cơ bại-hoại lương-tâm là do từ cái việc làm hại một cái cây một cái cỏ mà ra, kết-quả rồi đến không yêu-thương cả cha mẹ mới thôi.

Người làm cha mẹ hiểu biết cái lợi-hại ấy, phải nên đề-phòng cho con cái từ lúc còn thơ-ấu. Thấy con lúc nào có sự không yêu-thương vật-loại, thì phải giảng rõ cho nó hiểu rằng cỏ cây cầm thú cũng giống như người, cũng đều có sinh-cơ ; Không nên vô-cố tự-y làm tàn-hại chúng nó. Người ta không muốn cho con hồ cần người. cái gai đâm vào người thế nào, thì cỏ cây cầm thú nó cũng không muốn cho người làm tàn-hại nó như thế ấy.

Thấy con lúc nào có sự không yêu thương người ta, thì phải giảng rõ cho nó hiểu rằng : « Đứa ăn đứa ở, người

mù người cầm và người ăn mây, đều là những người đáng thương cả. Mây đã không biết thương họ, lại khinh-dể họ. Mây đã chắc đâu rằng sẽ giữ được suốt đời không phải đi làm nô-lệ cho ai, suốt đời không bị mù què, đi ăn mây; đến bây giờ bị kẻ khác khinh-dể mây thì mây có yên lòng không?

« Ở đời có nhiều bề bực về thể-lực, bây giờ mây cây có thể-lực mà khinh-miệt kẻ thể-lực không bằng mây, ngày khác mây lại bị kẻ cây thể-lực to hơn khinh-miệt mây, thì mây làm thế nào? »

Phải giảng đi giảng lại như thế mãi, không những câu cho con trẻ biết yêu người yêu vật, mà lại phải cầu cho nó hiểu cái hại bởi không biết yêu người yêu vật nữa.

Một mặt kẻ làm cha mẹ lại phải giữ mình cẩn-thận. Không nên nói những lời vô-lương-tâm, không được làm cái việc vô-lương-tâm. Xử với người tử-tế, xử với vật cũng tử-tế. Thời-thường tự làm lấy cái khuôn-mẫu trung-hậu cho con cái trông thấy. Như mình tự đi trồng hoa trồng rau, rồi buổi sớm buổi chiều bón phân tưới nước cho nó. Một mặt dụng-tâm làm việc ấy, một mặt bảo cho con cái biết rằng: Đã trồng lên cây hoa cây rau rồi thì phải yêu thương nó. Nếu mình không bón phân tưới nước, để hoa và rau đều chết, thế là mình làm hại nó đó, thế là mình không có lương-tâm đó. Ấy cứ tùy việc vừa làm vừa giảng như thế. Trẻ con từ bé đã nghe quen đi rồi, cái mầm lương-tâm đã gieo vào lòng nó bền-vững rồi, lớn lên sẽ nảy-nở ra vô-cùng.

Giáo-dục về điều nghĩa

Việc gì phải lẽ nên làm, thì liều mình sẵn vào mà làm, thế gọi là *nghĩa*. Việc gì không phải lẽ không nên làm, thì lấy làm dở xấu mà không làm, thế gọi là *nghĩa*. Cái lòng vì nghĩa phải dưỡng thành từ bé mới được. Trẻ con tri-thức còn ít, hiểu biết nghĩa lý chưa nhiều, song là người ai cũng có sẵn tính trời là lòng vì nghĩa. Chẳng qua có kẻ bẩm được hậu, người bẩm được kém mà thôi.

Bây giờ có hai anh em đứa bé một nhà cùng đang đi chơi với nhau. Chợt có một con chó đuổi cắn một người ăn mây. Thằng em trông thấy vội đi lấy que đuổi đánh con chó chạy đề bênh cho người ăn mây. Còn thằng anh thì không cầm-dòng gì. Như thế là thằng anh nghĩa-tâm kém, mà thằng em nghĩa-tâm hậu vậy. Người làm cha mẹ thấy thế phải ngợi khen cho thằng em mà trách quở thằng anh đi.

Lại như có hai anh em đứa bé một nhà kia đang cùng nhau đi chơi, bỗng trông thấy có một đồng tiền của ai bỏ rơi giữa đường. Thằng anh thì không thèm nhặt, thằng em bèn nhặt ngay lấy mà bỏ vào túi. Như thế là thằng anh nghĩa-tâm hậu, thằng em nghĩa-tâm kém. Người làm cha mẹ thấy thế phải ngợi khen cho thằng anh mà trách quở thằng em đi.

Đừng cho rằng đuổi một con chó bênh vực cho một người ăn mây là việc nhỏ-nhen. Phải biết nếu mẹ đứa trẻ mà đã có cái bụng vì nghĩa như thế, sau này nó sẽ trừ hết mọi kẻ ác, bênh vực cho mọi kẻ thiện trẻ đời, cũng không phải là sự khó-khở gì cho nó.

Đừng cho cái việc không thêm nhứt một đồng tiền rơi là, nhỏ-nhen. Một đứa trẻ mà đã có cái nghĩa-tâm như thế, sau này nó sẽ coi một vạn đồng bạc cũng như mớ cỏ rác, không phải lẽ không lấy liều, việc ấy đối với nó thì cũng là sự thường mà thôi.

Trái lại đừng bảo sự trông thấy chó cắn người ăn mày không bênh là sự bé - mọn, suy ra sau này trông thấy trộm cướp nó làm hại cha mẹ mà cũng có thể ngờ di được đấy. Hừng bảo sự trông thấy đồng tiền rơi ngoài đường với-vàng nhứt lấy là sự bé mọn, suy ra sau này có thể đi đào tường phá cửa nhà người ta mà cướp được của thì cũng làm chú không tha gì. Con cái khi đã khôn lớn, đã nghe được nhiều điều giáo-huấn, biết theo những điều nghĩa-lý dạy bảo, việc nên thì làm không nên thì thôi. Còn như khi chúng còn

bé, chưa nghe được mấy điều giáo-huấn, làm gì cũng chỉ thuận theo cái nghĩa-tâm tự-nhiên trời đã phú. Vậy xem cái nghĩa-tâm ấy của nó mà kém thì tùy thời dạy cho nó thêm hậu ra, nghĩa-tâm ấy đã hậu rồi thì tùy thời khuyên cho nó giữ lấy. Ban đầu cứ dễ mặc cho tự-ý nó xem muốn làm hay là không, bấy giờ mới theo mà lấy nghĩa-lý giảng bảo cho nó biết thế nào là nên làm nên không. Trẻ con đối với những điều giảng bảo có sự thực trông thấy trước mắt như thế, chúng càng dễ hiểu dễ nhớ, và dễ bắt-chước mà làm theo ngay được. Còn có hiệu-quả hơn là mấy mươi những điều nói suông. Vậy cha mẹ phải chú trọng mà dùng nhiều tình-thần và tốn nhiều công-phu giảng nói mới được.

ĐỒ-NAM dịch-thuật



NGU'Ò'I THÍM NUÔI

— Ai uống nước sôi nóng không!

Một cái giọng khàn-khàn mệt nhọc như người hết hơi ở trong đám đông người giữa chợ đưa ra, bị những tiếng ồn-ào át đi, nên không mấy người nghe rõ.

— Ai uống nước sôi nóng không!

Ra khỏi đám đông người, một bà lão bé nhỏ, lưng hơi gù-gù, mình mặc cái áo từ-thân bằng vải nâu đã bợt mà hai vạt thắt lại sau lưng trông rất gọn-gàng, một tay xách cái ấm sành quai quần mây, một tay cầm hai cái bát vừa thót-thều đi vừa rao.

Trời nắng chang-chang, trên đầu bà lão đội cái nón Nhị-thôn đã rách, ánh nắng chiếu qua khe nón rơi xuống cái mặt nhăn-nheo hốc-hác làm cho nước da xanh-nhợt hơi có vẻ hồng-hồng.

— Ai uống nước sôi nóng không!

Bà lão cứ vừa đi vừa luôn miệng rao mà hai mắt cứ luôn luôn nhìn những người ngồi bán hàng ở hai bên đường. Hễ có ai gọi mua nước thì bà đến bên rót một bát nước bán lấy một trính con, xâu vào cái dây lõi đeo ở dây lưng, rồi lại xách ấm nước và cầm bát đi chỗ khác.

Bà lão cứ lê đôi chân gầy-gò bần-thiêu đi khắp chợ, chẳng quản nắng-nội mệt-nhọc, thấy ai ăn quà cũng đứng chực sẵn ở bên, chờ họ ăn xong thì bà rót ngay bát nước lay nâng tận mắt mà

mời: « Rước ông (hay rước bà) xơi nước ». Người ta uống nước, trả tiền bỏ rồi bà lại đi.

Bán hết ấm nước ấy, bà lão vội vàng xách cái ấm không vào một cái nhà gianh ba gian, chung quanh có hàng rào lau thưa-thớt ở cuối chợ. Bà vào bếp lấy gạo với nước ở cái nồi nấu to bắc trên bếp đồ-dau vào ấm và gọi mà dặn người đàn ông ở nhà ấy rằng:

— BỐ ĐI CHẮT NẤU HỘ TAO NỒI NƯỚC NỮA, CHIỀU VỀ TAO MUA QUÀ CHO CHÁU.

Bà lão nói thế, người đàn ông đương ngồi đan, không buồn ngừng đầu lên, cứ vừa đan vừa nói:

— VẮNG, CỤ CỨ ĐỂ ĐẤY RỒI CHÁU CHẢI GIÙM.

Nghe người ấy trả lời có vẻ kính-trọng chứ không có vẻ thân-yêu.

Bà lão lại xách ấm nước đi ra chợ, vừa đi vừa rao. Đi đến dãy hàng cau ở ngang trước cửa một cái nhà gạch hàng tầng đồ sộ nguy-nga, có cửa kính cửa chớp đẹp đẽ mà trên tường chỗ cửa ra vào có đề mấy chữ nho to tướng: 東川 號 « Đông-xuyên hiệt-thự », thấy một người đàn bà bán cau đương ăn bún. Bà lão xách ấm nước đến bên chực sẵn. Người bán cau ăn bún xong, bà rót ngay bát nước nâng tận mắt. Người kia lay đồ lấy bát nước, miệng nói một cách rất lễ phép và hình như tỏ ý thân-mật rằng: « Con xin cụ ». Người ấy đỡ

lấy bát nước vừa uống vừa nhìn mặt nói ở trong miệng « ự ừ ». Uống xong, đưa trả bát và tiễn cho bà lão mà nói :

— Nước nóng và đặc lắm cụ ơi, cụ phải pha thêm nước lã vào mới uống được.

Rồi lại hỏi luôn bà lão rằng :

— Hôm nay cụ có đất hàng không ?

Bà lão phều-phào nói :

— Cũng khá thôi cô ạ, từ sáng đến giờ mới được có sáu xu.

— Nhưng cụ phải pha thêm nước lã vào mới uống được

Bà lão bỏ cái nón xuống, để hở ra cái đầu không có khăn, tóc trắng như bông dầm-dia mồ-hôi, rồi nói :

—Ừ, để tôi vào trong này xin gáo nước lã pha vào.

Đoạn, bà dựng cái nón vào tường ngay bên cô hàng cau và nói :

— Tôi gửi cô cái nón ở đây.

Rồi bước lên thêm đi vào trong nhà xin nước lã.

* *

Trong một cái nhà hai tầng, tầng dưới là phòng khách, một ông Nghị mặc quần áo lụa cộc, nằm ruỗi dài trên cái sập gụ bóng lộn, một tay chống

đầu, ngoảnh mặt nói chuyện với ông khách Hà-nội đang ngồi trên cái ghế « sa-lông » để gần sập. Trên bàn để hai cái cốc pha-lê đựng rượu « bia » uống đã cạn và một khay đồ chè. Thằng nhỏ ngồi ở góc tường kéo quạt.

Ông Nghị đang nằm trên sập bỗng ngồi dậy bảo thằng nhỏ :

— Mày vào xem giữa ngám nước đá được chưa đem ra đây.

Thằng nhỏ vàng lời đứng dậy vào trong nhà, bưng liễn giữa ngám nước đá và đường ra để lên bàn. Ông Nghị dùng dũa, kêu bực, giục thằng nhỏ kéo mạnh quạt đi rồi ngồi xuống ghé gối-diện với khách, mở nắp liễn ra mời khách ăn giữa.

Hai người cùng cầm xiên xiên giữa ăn.

Ông Nghị vừa nhồm-nhảm nhai vừa nói :

— Ngon lắm ! Tôi cho giữa ngám nước đá với đường tây này ngon hơn giữa hộp nhiều, mà lại không hại vệ-sinh.

Ông khách gạt đầu :

— Ngon và dễ hơn dứa hộp nhiều chứ.

— Cả nhà lối bây giờ thành ra nghiện giữa ngám nước đá với đường



lấy, cho nên mới đến mùa giữa là nhà tôi phải mua trữ sẵn lấy dăm chục quả ngon một lúc để dần dần. Nếu nhà tôi mà dùng giữa hộp thì mỗi ngày phải dùng đến mười hộp mới đủ cho các cháu, mà cũng chỉ tốn tiền thôi chứ không ngon đâu, ông ạ.

— Phải, giữa hộp tiếng là qui, chứ ngon sao được bằng giữa này.

— Ấy giữa này mà mỗi ngày nhà tôi phải dùng đến mười quả mới đủ. Mỗi ngày về mùa nực, nhà tôi phải tiêu đến hơn đồng bạc về đồ giải-khát. Nguyên mình tôi đã mất một chai bia, một chai nước suối và một liễn giữa, còn các cháu không kể.

— Ông dùng nhiều đồ mát quá sợ có hại.

— Vì tôi có máu nhiệt, cứ đến buổi trưa và buổi tối mà không có đồ giải-nhiệt là không chịu được.

Chủ khách đương vừa ăn giữa vừa nhòm-nhàm nói chuyện, thằng nhỏ ngồi ở góc tường kéo quạt vừa trở mặt nhìn mồm hai người mà thêm rõ dãi. Thì bỗng có tiếng vãn cửa ngoài. Chủ khách và thằng nhỏ cùng nhìn ra cửa. Thằng nhỏ hỏi:

— Ai hỏi gì?

Thằng nhỏ vừa hỏi rút lời thì cánh cửa mở ra, bà lão bán nước xách cái ấm quai bước vào rồi cứ đứng sững đấy nhìn vào mà chẳng nói năng gì cả, vì bà ở ngoài nắng đi vào nên quáng mắt, chưa trông thấy gì.

Ông Nghị cau mặt, trợn mắt nhìn bà lão như có ý tức giận. Lại thấy bà ta cứ đứng mãi ở trước cửa, nên trông mặt ông lại càng có vẻ giận hơn.

Bà lão dùng dụi mắt mãi mới trông thấy rõ người rồi nói:

— Bố Nghị, cho tao xin gáo nước lã.

Rồi bà đứng chờ ông Nghị trả lời.

Ông Nghị đương nghiêm nét mặt bỗng dịu-dàng nói:

— Bà vào trong nhà bảo cháu múc cho.

Rồi quay ra bảo thằng nhỏ:

— Mày vào múc nước cho bà.

Thằng nhỏ bảo bà lão:

— Bà vào trong này cháu múc cho.

Khỏi nó đi vào trước, bà lão theo sau. Qua cái hiên trong, bà thấy bà Nghị cùng các con đương xúm nhau ăn giữa ngắm nước đá, bà vừa đi qua hiên vừa nói:

— Tôi xin chị gáo nước lã.

Bà Nghị lờm bà lão một cái rồi lại cúi đầu xuống cùng các con ăn giữa. Mấy đứa trẻ nhìn bà lão rồi lại cứ ăn tự-nhiên như thường.

Bà lão vừa đi vào nhà trong thì ông khách hỏi ông Nghị rằng:

— Thưa ngài, bà cụ nào thế?

Ông khách sờ-dĩ hỏi câu ấy là vì thấy bà lão ấy gọi ông Nghị là « bố Nghị » là nói với con cháu vậy.

Ông khách hỏi thế, ông Nghị cau trán, để cái xiên xuống khay, bỏ chén xuống xô vào đôi đép nhặt-bắn rồi nói:

— Thưa ngài, đó là người thím nước của tôi đấy ạ. Nguyên trước ông cụ tam-đại nhà tôi có nuôi chông bà ta làm con nuôi chứ không phải là có máu mủ gì với nhà tôi cả. Trước cụ tôi cũng gây dựng cho chông bà ta tử-lẽ, nhưng có mấy mẫu ruộng của cụ tôi cho, vợ chông ông ta phá hết cả rồi.

— Nhưng bây giờ ngài cũng nên giúp đỡ bà cụ kéo tội nghiệp:

— Ngài ở xa không biết đấy, chứ tôi giúp đỡ bà cụ cũng đã nhiều lắm rồi. mà bà ta cũng quấy quả tôi luôn.

Nói đoạn, ông gọi thằng nhỏ ra bưng khay giữa vào, rồi đi vào nhà trong. Từ cửa hiên đi vào, ông sồng sộc đi thẳng đến trước mặt bà lão, di tay vào trán bà mà nghiêng răng nói :

— Tôi đã bảo nhiều lần, nếu bà có muốn đến đây hỏi gì thì phải đi cửa sau, sao hôm nay nhà đương có khách mà bà dìm sộc vào cửa trước ?

Bà lão vừa mức nước vừa phều-phào nói :

— Tôi vào cửa trước thì anh đã xấu gì. Tôi nhớ ra mới đến xin anh gáo nước lã, chứ có phải tới đến bòn-dãi gì anh đâu mà anh sợ, anh phải xỉ-vả tôi đến thế.

Ông Nghị lại chỉ tay vào mặt bà lão mà mắng :

— Tôi chẳng xỉ-vả gì nhà bà sốt cả, nhưng đương lúc tôi có khách, sao bà không đi lối cửa sau. Nay, tôi bảo thật cho bà biết, bà bèn tới, tôi cũng không xấu đâu.

Bà lão tay cầm gáo nước chưa kịp đổ vào ấm, thấy ông Nghị mắng một cách tàn-nhẫn như thế, thì vút cái gáo xuống sân đánh đập một cái, nước bắn tung-tóc ra, làm ướt cả quần áo ông Nghị rồi chỉ tay vào mặt ông mà mắng.

— Ồ, ra quân này láo thực, mày gọi ai là « nhà bà » đấy hử ? Mày giàu có mà mày đã không nuôi bà thì chớ, bà đã phải đi ở nhờ nhà người ta và làm lấy bà ăn, chứ bà có nhờ gì được cái mặt mày đâu mà mày xỉ-vả bà tàn-tệ như thế.

Rồi bà gáo-thét vừa chửi ông Nghị vừa khóc.

Ông Nghị sợ ông khách ngồi nhà ngoài nghe tiếng, vội bưng chắt lấy mồm bà lão. Bà lão cố hết sức dặng ra rồi kêu rầm lên. Bà Nghị chạy ra mắng :

— Làm gì mà đến nhà người ta làm rầm lên thế ?

Ông Nghị vội bảo thằng nhỏ đóng cái cửa lối ra nhà ngoài vào, rồi một tay bưng chắt lấy mồm bà lão, một tay ấn lưng bà mà đẩy ra lối cửa sau.

Bà lão ngạt hơi, cố hết sức rầy-rụa, nhưng lại sao được với hai bàn tay hộ-pháp của ông Nghị. Bà càng cựa thì ấm nước của bà càng sóng ra. Phần thì sức yếu, phần thì tiếc vỡ mất ấm nước, nên bà cũng chẳng chống lại nữa, đành để cho ông ấy lôi bà đi.

Đến cổng sau, ông nghị rúi mà ấn bà ra một cái thật mạnh rồi vừa vội đóng cổng lại vừa nói : « Hôm nay mà nhà không có khách thì phải biết ».

Bà lão bị rúi một cái, hai mắt đỏ đờng-quang, lưng chừng như gãy hết xương, nhưng bà cũng phải cố giữ lấy ấm nước. Bà vội để ấm nước xuống và ngồi phệt xuống bên đường và chỉ kêu lên được một câu : « Ói trời đất ơi, có ai để ra con như tôi để ra cái thằng Nghị Dong ở chợ Phủ này không ! » Bà toan nói nữa nhưng mệt quá, thở hồn-hồn như người hết hơi. Ngồi nghỉ một lúc cho lại hồn, rồi bà lấy vạt áo lau mặt và mở ấm nước ra xem thì đỏ mắt quá nửa, định về nhà lấy thêm nhưng sợ tan chợ. Bà vội đứng dậy rúi quần áo và xách ấm nước đi rao : Ai uống nước với nóng không !

LE ĐỨC-NÀNG



THUYẾT HÌNH-DANH CỦA HÀN PHI

Hàn Phi là một nhà chính-trị-học về đời Chiến-quốc (Trung-hoa).

Học-thuyết của ông thừa-nhận pháp-luật thưởng-phạt, không ra đạo-đức nhân-nghĩa, nên bọn hủ-nho ngày xưa liệt ông vào phái hình-danh.

Đại-ý họ Hàn-nói rằng: Số người của thế-giới ngày càng đông thêm, trí khôn của loài người ngày càng tiến lên, sự sinh-hoạt của dân-chúng ngày càng khó hơn, thì lẽ tất-nhiên càng ngày càng nhiều thêm số người hư-hồng, sự rắc-rối...

Lấy nhân-nghĩa đạo-đức trị nước chưa đủ yên dân; nếu muốn cho nước mạnh dân giàu, thì tất phải dùng pháp-luật thưởng-phạt, khuyến-khích người hay, cấm ngăn sự dở.

Cái lý-thuyết đó đối với đời Chiến-quốc cổ-nhiên là thang thuốc đối chứng, mà đối với ngày nay chưa hẳn là thuốc ăn trái mùa.

Vậy xin trích-dịch mấy đoạn cốt-gốc trong thiên « Năm thứ dân một » của ông ra sau này, để độc-giả được biết qua về học-thuyết của ông.

Lời người dịch

* *

Đời thượng-cổ, người còn ít mà cầm-thú thì nhiều; loài người không địch nổi các loài chim, muông, rắn, rết sâu-bọ; có ông thánh ra đời, dạy dân lấy gỗ làm tổ ở dễ chảnh cái hại ấy, nên dân-chúng yêu mà tôn làm vua, gọi là vua Hữu-sào. Dân đời xưa ăn toàn hoa-quả trai ốc sống, nó tanh-trởi hôi-thối, hay hại tỉ-vị mà sinh tật-bệnh; có ông thánh ra đời, dạy dân dùng cây lấy lửa mà nấu ăn; dân yêu mà tôn làm vua, gọi là vua Toại-nhân. Đời trung-cổ, nước lụt tràn cả thiên-hạ thì ông Cần ông Vũ ra sức khơi sông. Đời cận-cổ, vua Kiệt vua Trụ tàn bạo hại vật, thì ông Thang ông Vũ ra tay đánh dẹp. Giã-sử có kẻ đem việc kiếm gỗ làm tổ, dùng cây lấy lửa mà bán ở đời nhà Hạ, thì ông Cần ông Vũ tất phải ôm bụng mà cười; hay đem câu chuyện khơi sông mà nói ở đời Ân, Châu, thì ông Thang ông Vũ tất cũng nhin cười không được. Thế thì những kẻ

sinh ở đời nay mà còn chực đem những đạo của Nghiêu Thuần Thang Vũ ra mà thi-hành, hẳn cũng không khỏi làm cho các ông « thánh mới » phải phì cười vậy. Bởi vậy, những bậc thánh-nhân không bắt-chước lối cổ, không câu-nệ thói thường, chỉ chuyên xét tình-thế hiện-thời mà nghĩ cách đối-phó.

Ngày trước, nước Tống có anh cày ruộng, trông thấy một con thỏ chạy va phải gốc cây, bị gãy cổ mà chết; anh ta bỏ ngay cây bừa, chạy lại ôm lấy cây đó để bòn được thêm mấy con thỏ chết nữa; nhưng kết-cục, chẳng được thêm con thỏ nào nữa mà lại bị cả nước cười là thằng ngu. Những kẻ chực đem đạo của Nghiêu Thuần Thang Vũ mà cai-trị dân đời nay, so với kẻ ôm cây đợi thỏ kia thật không khác mấy.

Đời xưa; dân-ông không cần cày ruộng vì cứ hái quả cây cũng đủ ăn rồi, dân b.

không cần dệt cử, vì cứ lột da cầm-thú cũng đủ mặc rồi ; người không khó nhọc mà đủ ăn đủ mặc, số người thì ít mà của-cải thì nhiều, nên không ai tranh cướp của ai. Vì thế, không cần thưởng to phạt nặng mà dân vẫn yên. Một người dể năm con chưa lấy gì làm nhiều, nhưng mỗi người con lại dể năm con nữa mà người ông chưa chết, thì nhà đã thêm ra 25 đứa cháu nữa rồi ; số người nhiều lên thì số của lại hóa ít đi, làm-lung khó nhọc mà sự sinh-hoạt vẫn thấy túng thiếu ; vì thế, người ta mới hay tranh cướp của nhau, dẫu có thưởng to phạt nặng mà cũng hay xảy ra những sự rắc-rối.

Ông Nghiêu làm vua, mà ở nhà tranh không xén má, xá cột không dục chạm, cơm ăn gạo lứt, canh nấu thuần rau, mùa đông khoác da hươu, mùa hè mặc vải mỏng, cái cách ăn mặc cư-xử đó, so với kẻ gác cửa cũng chẳng hơn gì. Ông Vũ làm vua, tay cầm thuồng cuộn dao sông dể làm gương cho dân, dùi dóc hết thảy, cẳng chụi hết lòng : sự khó nhọc đó, so với những kẻ tôi tớ cũng chẳng kém gì. Thế thì người xưa dể ngôi vua nhường cho kẻ khác, chẳng qua là muốn lìa cái cảnh sinh-hoạt của kẻ gác cửa và cái dểi khó-nhọc của kẻ tôi tớ đấy thôi, chả có gì là cao-thượng đáng khen hết. Đời nay, một người làm quan huyện ít lâu rồi chết, những di-sản dể lại con-cháu ăn suốt đời cũng chưa hết, thế cho nên người ta qui quan-chức mà chẳng muốn nhường lại cho ai. Ngồi thiên-tử đời xưa dể nhượng mà chức huyện-lệnh đời nay khó từ, là bởi về phần thực-tế hơn kém nhau nhiều vậy.

Ồ ! Nhà ở trên núi cao mà dùng nước dể dểi khe sâu, ai chả quý hạt nước mà thường tặng lẫn nhau ; thế nhưng, giá ở đất chung mà thường bị úng-thủy, tất phải thuê người đào cống dể tháo nước. Thế cho nên, gặp khi dểi kém thì thấy

em bé cũng chẳng muốn cho ăn, mà đến năm được mùa thì dẫu khách lạ cũng cơm rượu thiết-dãi ; không phải là ngại linh máu mù mà quý khách qua đường dẫu, cũng là vì cơm gạo lúc thừa lúc thiếu khác nhau đó.

Xem thế dể biết : người đời xưa dể của lặng nhau, không phải là họ tốt bụng dẫu, là tại của nhiều ; người đời nay hay tranh cướp của nhau, không phải là họ tham quá dẫu, chính vì của hiếm. Người đời xưa nhường ngôi thiên-tử, không phải là cao-thượng dẫu, là vì nó chẳng có lợi gì ; người đời nay qui chức nhòm, không phải là họ dể-bèn dẫu, chính vì nó bở ăn lắm đó. Thế cho nên thánh-nhân cần xét kỹ những chỗ hơn hay kém thừa hay thiếu đó dể định cách cai-trị : có khi phạt rất nhẹ mà không phải là khoan-nhân, có khi phạt rất nặng mà không phải là tàn-ác, là vì pháp-luật vốn tùy theo tục dân mà đặt ra ; chính-trị cũng dựa theo thời-thế cho thích-hợp với công việc.

Ngày xưa, ông Châu Văn-vương đóng đô ở khoảng dã. Phong, đất Cáo, linh-thò chỉ có 100 dặm vuông, chuyên dùng đạo nhân-nghĩa mà cai-trị dân, kết-quả chu-phục được nhiều nước lân-bang mà gây nên vương-nghiệp.

Ông Từ Yên-vương đóng đô đất Hán-dông, linh-thò hơn 500 dặm, cũng dùng đạo nhân-nghĩa mà cai-trị dân, cũng được 36 lân-bang thần-phục và tiến-cống ; vua Văn-vương nước Sở thấy thế mà lo sợ, vội cử binh đánh Từ, nước Từ bị diệt-vong. Thế là ông Văn-vương dùng đạo nhân-nghĩa thì lấy được thiên-hạ mà Yên-vương dùng đạo oán-nghĩa thì dể mất nước. Há chẳng phải đạo nhân-nghĩa chỉ thích-dụng ở đời cổ mà không thích-dụng với đời nay đó sao ! Cho nên người ta đã có câu nói : Thời-thế khác thì công việc cũng khác.

Đời vua Thuấn, nước Miêu không chịu thần-phục, ông Vũ toan cử binh đi đánh nó, vua Thuấn nói : « Không nên đánh. Đức mình chưa đủ phục người mà lại lấy vũ-lực ăn hiếp người ta, là sự rất vô-dạo ». Thế rồi vua Thuấn sửa lại việc giáo-hóa, trong 3 năm, thường cầm cái *can* cái *thích* mà múa, tự-nhiên nước Miêu về hàng. Thế mà đến trận đánh nhau với Cung-Công, những tên mũi sắt dù yếu sức cũng sang tới mặt trận quân địch, những kẻ không có áo giáp dày đều bị thương hết. Thế có phải là cái *can* cái *thích* thích-dụng với lúc trước mà không thích-dụng với lúc sau đó không ? Cho nên người ta đã có câu nói : Sự-thế khác thì cách đối-phó cũng khác.

Đời thượng-cổ cạnh-tranh bằng đạo-dức, đời trung-cổ cạnh-tranh bằng mưu-mẹo, đời nay cạnh-tranh bằng thực-lực. Nước Tề đem quân sang đánh nước Lỗ. vua Lỗ sai ông Tử-Cống ra thuyết cho họ rút quân về, người Tề bảo ông Tử-Cống rằng : « Ông nói không phải là không giỏi, nhưng cái mục-dịch của chúng tôi là sang cướp đất, chứ có phải sang để nghe mấy lời nói khéo đâu ». Thế rồi tiến quân đánh Lỗ.

Ông Yên-vương nhân-nghĩa mà nước Tề diệt-vong, ông Tử-Cống khôn ngoan khéo nói mà nước Lỗ mất đất, xem thế đủ biết nhân-nghĩa khôn-khéo đều là cái chưa đủ trông cậy vậy. Nhưng giả-sử vứt cái khôn-khéo của Yên-vương đi, xếp cái khôn-khéo của Tử-Cống lại, nước Tề nước Lỗ cứ cố gây lấy thực-lực cho đủ sức chống lại các nước mạnh, thì quân Tề quân Sở cũng chẳng làm gì được họ đâu.

Tóm lại, thời-thế nay đã khác xưa nhiều thì chính-trị cũng cần phải đổi cũ thay mới, chứ đem cái chính-thể chậm-

trễ mà cai-trị cái dân nhanh-nhẹn thì chẳng khác gì cưỡi ngựa dữ mà không nắm chặt lấy cương, thật là sai quá vậy...

Thành cao mười thước mà tráng-sĩ không thể vượt qua, là vì nó thẳng tuột khó trèo ; núi cao nghìn thước mà con dê què leo được, là vì đường thoai dễ lên ; thế cho nên pháp-luật nên đặt rất nặng. Vải lụa tầm-thường, đánh rơi bên đường thì người thường cũng nhặt ; vàng nấu đang sôi, dù chảy dần bừa-bãi, kẻ trộm cũng không mó tay ; thế là nhặt mà không đau tay thì dù vật thường cũng không ai từ, nhặt mà bỏng tay thì dù vàng nhiều cũng không ai thiết, cho nên việc thi-hành pháp-luật cần phải rất nghiêm.

Phàm đã gọi là thưởng, cần phải rất bậ mà khô, g sai, để cho người ta thích ; phàm đã gọi là phạt, cần phải hơi nặng mà rất nghiêm để cho người ta sợ ; phàm đã gọi là pháp-luật, cần phải nhất-định mà dùng mãi, để cho người ta quen. Thế cho nên lễ đã thưởng thì không sai, đã phạt thì không tha, tiếng khen đi theo sự thưởng, tiếng chê đi theo sự phạt, thì người khôn kẻ dại cùng biết đường mà theo. Nhưng đời nay lại không thế. Thấy kẻ có công thì ban thưởng, song lại vì chức nhỏ mà coi khinh. Thấy kẻ chịu khó làm ruộng thì ban khen, song lại vì nghiệp hèn mà coi bỉ. Kẻ không chịu làm việc thì bị thái, song lại được tiếng khen là cao-thượng. Kẻ làm sự trái phép thì bị phạt, song lại được tiếng khen là tài giỏi. Thế là sự thưởng phạt với tiếng khen chê thường trái hẳn nhau. Chính-sự nát bét mà dân-gian lại càng rối rắm, là vì thế.

(Còn nữa)

KIỂM-ĐỒ

Bức thư thân Quốc-ngữ

kéo nài thân chữ Nho

□

:: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: ::

Hài-vấn :: :: :: :: :: ::

□

Ngang-bằng-sở-ngay tiên-sinh tức-hà:

Kính thưa tiên-sinh,

Năm vua tháng bụt ngày trời, tôi là A-trôn bé-méo tiều-cư-sĩ, có mấy lời trần trọng xin kéo nài tiên-sinh hăng cố gắng ngồi lại trên văn-dàn như sau này :

Ngay-ngừng thay lúc phân-ký, mây bay nước chảy, kẻ ở người đi, tình ấy cảnh ấy, há chẳng thwong-bi ! Huống chi tôi với tiên-sinh đương cùng ở với nhau một cõi non sông, cùng năm với nhau một kho tư-tướng, cùng đi với nhau một chuyến đò tiền-hóa trong buổi vãn-minh. Nhất-dán mưa Âu gió Á, ngày tháng vô-tình, chia tay đường bái, ngảnh mặt lối nghiên, khiến cho gan vàng cũng phải băng-khuông, dạ sắt cũng phải bối-rối vậy.

Than ôi ! Tiên-sinh với tiều-cư-sĩ này, đối với cuộc đời, đều có cái gánh vác nặng-nề lớn-lao. Nếu đương lúc ngược xuôi mỗi người mỗi ngã, mà chỉ lẫn nhau bằng mấy hạt lệ luôn thì cũng vô-ích. Chỉ bằng giũ bày ra một thiên văn-tự để tỏ ý-kiến, khiến cho hiểu rõ tình-thể nhau và tâm-sự nhau, ấy là cái bổn-phận của tiều-cư-sĩ này đối với tiên-sinh, và đối với thiên-hạ hậu-thế, há phải là một điều ngẫu-nhiên đâu !

Tôi nói đây, chắc thiên-hạ có nhiều người cho là một lời nói gàn bát-sách, mà ngay như tiên-sinh chắc cũng cho là một lời nói xe lơ lúc duyên hết, kết tóc lúc đào phai, chỉ đủ khiến người đã buồn cả ruột mà đơ cả đời đấy thôi.

Than ôi tiên-sinh ! Tiên-sinh chẳng ở thì dân van cũng chẳng ở ; nay khăn-khoan kéo-nài, chẳng ngu lắm thay ! Nhưng thế nào mặc lòng, công-nghiệp tiên-sinh, tôi há chẳng nhớ ; tâm-sự tiên-sinh, tôi há chẳng biết ; thời-thể tiên-sinh, tôi há chẳng hay ; ảnh-hưởng làng văn, tôi há chẳng tiếc ; tiên-sinh trút cho tôi một món nợ rất to-tát rất nặng-nề rất khó-khăn mà đứng lên, tôi há chẳng nài.

Tiên-sinh ơi ! Tao-dàn nguyên sùng 騷壇元帥, có phải là tiên-sinh đấy không ? Băng-bồ tương-công 冰壺相公, có phải là tiên-sinh đấy không ? Tiều-ân cư-sĩ 樵隱居士, có phải là tiên-sinh đấy không ? Bạch-vân am-chủ 白雲庵主, có phải là tiên-sinh đấy không ? Danh-hiệu tiên-sinh, vì sao to mẩy ? Danh-dự tiên-sinh vì sao cao mẩy ? Há chẳng phải là vì vua tôi, cha con, anh em, vợ-chồng, thầy trò, bè-bạn, nền luân lý của quốc-dân, thực bởi tiên-sinh chế-tạo ra. Cuộc thống-nhất của nhà Đinh, cuộc thịnh-trị của

nhà Lý, vũ-công nhà Trần, văn-phong nhà Lê, bức tranh lịch-sử của dân-tộc, thực bởi tiên-sinh thêu vẽ ra. Chính-phụ, Tỳ-bà, Cung-oán, Nhị-thập tứ-hiếu, Đoàn-tràng-tân-thanh (tức truyện Kiều), nền văn-chương của quốc-âm, thực bởi tiên-sinh gây dựng ra. Lại nhất là khoảng gần mới đây, cuộc đời mở hội doanh-hoàn, anh hùng bốn bề giang-san một nhà, thì những chữ tự-do, chữ lập-hiến, chữ giải-phóng, chữ văn-minh, chữ bình-quyền, chữ nghĩa-vụ v. v. . ., xưa kia quốc-dân chữa ai nói đến bao giờ, cũng bởi tự tiên sinh xướng lên trước, rồi lũ A-tròn Bê-méo chúng tôi sinh sau đẻ muộn, mới họa vào sau. Nền chỉ danh hiệu tiên-sinh dù to đến thế nào, và danh dự tiên-sinh dù cao đến thế nào mặc dầu, chữ con nhà vạn sự còn ấu-trì như chúng tôi, thực không dám ghen tị chút nào cả.

Mà xét ra tự xưa đến nay, dân-tộc ta đối với tiên-sinh thực vẫn đãi-dùng một cách thủy-chung như nhất; nào là địa vị trọng-yếu như là xuất tướng nhập tướng, nào là vinh-danh quang-hiến như là bia xanh bằng vàng. Kịp khi phong trào cải-cách nổi lên, sĩ-phu đua nhau những sự éo-le; đó là cuộc chơi hân-mạn của các tiên-sinh, kẻ ra cũng còn thú-vị. Lại nhất là mười-lăm năm gần mới đây, luồng gió Nam-phong êm-ái mát-mẻ thổi lên, cầm cái chủ-nghĩa hấp-thụ tân-trào, và cái chủ-nghĩa bảo-lồn cổ-học, vẫn hàng tháng đặc-biệt riêng ra một phần chiếu ngời trong văn-giới để đãi tiên-sinh. Tiên-sinh làm ích cho đường cũ, tiên-sinh làm ích cho đường mới, tiên-sinh công-phụ gọi rồng đã lái, tiên-sinh công-phụ gọi voi cũng khỏe. Nói ra cho đáng, tiên-sinh thực không phụ gì quốc-dân, mà quốc-dân cũng không phụ gì tiên-sinh vậy. Nay tiên-sinh lấy cớ rằng quốc-văn

đã đến thời-kỳ tiến bộ, tiên-sinh đã đến thời-kỳ hưu-nhàn, ấu cũng bắt chước như truyện: thời công đầu nghĩ sự đầu đầu, lui vũ-trụ mặc đàn em gánh vác.

Ôi! Tiên-sinh là bậc đàn anh ngót hai nghìn năm gánh vác một cái gánh nặng, trải bao nhiêu cuộc vinh-hiến cho đến cuộc phong trần, nay vì thời-thế thay đổi, muốn lui về cõi danh-son, bảo-dưỡng lấy cái hồn linh-tú, tiên-sinh nghĩ thế đã đánh. Song le, hạng đàn em chúng tôi thì lại nghĩ khác.

Cái bước tiên-đồ của làng văn ta, hiện còn như trong giấc chiêm-bao, ai bảo rằng cầm-tám tú-khâu, tôi cũng chữa dám chắc đã là cầm-tám tú-khâu; ai bảo rằng nhả ngọc phun châu, tôi cũng chữa dám chắc đã là nhả ngọc phun châu; chỉ bằng dọc ngang ta hãy chờ-huê, mới cũ ta hãy cộng-lác, duyên kia có phụ chi linh, mà toan xẻ gánh chung linh làm hai. Tuy vậy tôi cũng không dám trách gì tiên-sinh, tôi cũng biết rằng từ rày trở đi khách làng Nho một ngày một vắng, chữ Nho cũng một ngày một ít người thưởng-thức; cái thú-kịch quẻ triêu quẻ cộng, con bề con hiền sẽ có một ngày một diễn ra khắp cả mọi nơi, tiên-sinh dù có mặt dạn mày dầy mà ở lại chẳng nữa, thiết-tưởng cũng ít phần có ích gì cho tiên-sinh, mà cũng ít phần có ích gì cho thiên-hạ. Tiên-sinh ngày nay muốn cầm cái chủ-nghĩa yếm-thế, đối với cuộc đời ngoảnh mặt làm thinh, ai bảo rằng không phải. Nhưng chẳng những thế mà thôi đâu, cái lần-kịch quẻ triêu quẻ cộng, con bề con hiền ấy, còn thuộc về thời-đại tự nay trở về trước. Chủ thời-đại từ nay trở về sau trên cuộc đời sẽ lại có một cái thú-kịch: Lê-Lị tướng là lê đi lị; Lý-thường-Kiệt tướng là bác Lý thời-thường keo-kiết; Binh-Ngô đại-cáo

tướng là bình¹ lúa ngô đợi con cáo; trở ấy xuất-hiện ra còn nhiều (1), tấn kịch trước còn là thú vị vừa, tấn kịch sau lại càng thú vị lắm! Chao ói! kiền 乾 với triều 朝, lớn 巽 với cộng 共, lì 脾 với bề 脾, thận 腎 với hiền 賢 còn có thể trông vào chữ để làm bằng cứ mà biện xét ra được, chứ như ích-lợi với kiết-lợi, hào-kiệt với kiết-kiệt, huấn-cáo với mèo-cáo thì không thể bằng cứ vào hình chữ được nữa. Đến khi đó thì chẳng những phượng ngang bằng sỏ ngay như tiên-sinh, đã xu tay với thiên-hạ mà hết nghề dā giả chỉ-hồ, mà ngay như phượng A tròn B méo như chúng tôi, cũng xấu hổ với nước non mà không dám khoe nghề e ế á.

Tôi nói đến đây tôi cũng xin đồng-ý với tiên-sinh, rủ nhau đi tìm lấy một chỗ lạc-quốc vô-tư-tướng vô-văn-tự, để hưởng lấy một thú không-khi thành-thời, kéo nữa ở về những chốn có nhiều tư-tướng có nhiều văn-tự này, lại càng có nhiều câu truyện nực cười và câu truyện tức mình lắm nữa!

Tiên-sinh ơi tiên sinh! Tiên-sinh đi đâu? cho tôi đi với; tiên-sinh đối với cuộc đời ý-kiến thế nào? cho tôi biết với!

Chừng là tiên-sinh chỉ quen lối « con cóc cha như nhà có nóc », mà không quen lối « gai ngọn đọt hơn gai gốc » đấy dư?

Chừng là tiên-sinh chỉ quen lối « thuận vợ thuận chồng, tát bể đông cũng cạn », mà không quen lối « ông nói gà bà nói vịt » đấy dư?

Chừng là tiên-sinh chỉ quen lối « trên vì nước dưới vì nhà, một là đặc hiệu

hai là đặc trưng », mà không quen lối « lạng-mạn » đấy dư?

Chừng là tiên-sinh chỉ quen lối « mẫu-đơn mọc cạnh nhà thờ, đôi ta trình-liết đợi chờ lấy nhau », mà không quen lối « tự-do » đấy dư?

Chừng là tiên-sinh chỉ quen lối « ông Tô-tử qua chơi sông Xích-bích, một con thuyền với một túi thơ », mà không quen lối « buồng sấm » đấy dư?

Chừng là tiên-sinh chỉ quen lối « khi tiếng đàn chen tiếng hát, khi tiếng phách lẫn tiếng xênh », mà không quen lối « nhảy đầm » đấy dư?

Chừng là tiên sinh chỉ quen lối văn chương có tài-liệu có học-thức, mĩ-miêu, êm-ái, ví như đất tốt trồng cây la-đa, mà không quen lối văn-chương chẳng cần tài-liệu chẳng cần học-thức, bi-beng tục-lấn, ví như đất xấu trồng cây ngẩng-nghiêu đấy dư?

Nhưng mà tiên-sinh ơi! Ta đối với cuộc đời, cũng không nên cầm cái chủ-nghĩa bi-quan cho lắm, mà cái nỗi bi-quan ấy cũng không biết thế nào là cùng. Chỉ bằng ta đối với cuộc đời, hãy cứ nên cầm cái chủ-nghĩa lạc-quan, mà sự lạc-quan ấy cũng không biết thế nào là tận.

Cuộc rối loạn gì bằng đời Xuân-thu, thậm-chí người vô tội như người Công-Dã Tráng cũng phải ở trong vòng cùm trói; người quân-lử như thầy Nguyễn-Hiến cũng phải suốt đời mặc cái áo bóng rạch; mà ông Khổng-lử vẫn nói rằng: « Thiên-hạ nếu đã hay rồi, thì ta còn phải thay đổi gì nữa! »

Cuộc điên-đảo gì bằng đời Chiếu-

(1) Những chữ tên người trong lịch-sử, tuy có lỗi viết chữ hoa, nhưng không biết ý-nghĩa của chữ ấy là gì, thì cũng không biết là hay, mà hoặc có khi tưởng lầm.

quốc, thậm-chí kẻ đê-tiền-ti ăn xin như người nước Tề, mà về nhà vẫn khoe với vợ là phú-qui ; kẻ lém-lỉnh như chàng Tô chàng Trương mà cũng ngời cao như trời, vàng nhiều như trấu, mà ông Mạnh-tử vẫn nói rằng : « Công việc đời nay phi ta ai đưong nổi ! »

Tiền-sinh ơi ! Tiền-sinh có phải là con nhà họ Khổng đấy không ? sao chẳng ngồi lại trong con phong-vũ kiên-khôn, mà đánh khánh khua mõ ? Tiền-sinh có phải là con nhà họ Mạnh đấy không ? sao chẳng ngồi lại trong đám ván-lôi thời-tiết, mà chặt sắt chém danh ?

Biết đâu sau này cuộc đời lại chẳng đẹp-đẽ như gấm, làng văn lại chẳng rực-rỡ như hoa, ấy là cái hiệu-quả của khách văn-chương, mà là cái hi-vọng của chúng ta vậy.

Nay gặp tháng mộ-xuân, tức là cái thời-tiết thần Thanh-nữ bán giao cho thần Xích-đế công việc mùa hạ mà cuốn xuân đi. Thiên-hạ cũng biết rằng bốn mùa thay đổi thành công thì đi, đó là vận thường, cũng chẳng lạ gì.

Nhưng trong cuộc hành-lạc mà chợt nghe có tiếng xuân đi, thì kẻ gầy đàn ai mà chẳng ngẩn-ngơ đậy, kẻ uống rượu ai mà chẳng ngại-ngùng chén, kẻ đánh cờ ai mà chẳng ngao-ngán nước, kẻ làm thơ ai mà chẳng ngậm-ngùi câu, đó cũng là một cái tình chung của thiên-hạ vậy. Nay trong cuộc hành-văn mà chợt nghe có tiếng tiền-sinh thu-xếp cái dấu vết chồi Lê gốc Lý mà trở ra đi, thì kẻ cầm bút ai mà chẳng ái-mộ bán-khăn, há chẳng phải cũng là cái tình chung của bạn văn-xã đấy hay sao ?

Tiền-cư-sĩ tôi sở-dĩ còn muốn kéo nài tiền-sinh mà chữa nỗi lla tiền-sinh là vì thế. Chẳng hay tiền-sinh có đề mắt ra cuộc đời, mà cúi xét cho lòng tôi đấy không ? Nếu được như gái Tỳ-bà-phụ chiều lòng chàng Tư-Mã Giang-châu, hãy ngồi lại gầy chơi khúc nữa, thì tiền-cư-sĩ tôi may lắm.

Nay kính thư

(Bức thư thần chữ Nho trả lời sẽ tiếp kỳ sau)

TÙNG-VÂN



VĂN-ĐỀ ĐỘC-LẬP CỦA PHI-LUẬT-TÂN

■
I

Mấy năm nay xứ Phi-luật-tân hình như có tình-duyên với hai chữ độc-lập, nhưng chỉ vì nước Hoa-kỳ nay hện mai hện, nên cứ phải chịu số phận vô-duyên. Mãi cho đến hôm 24 Mars vừa rồi, nghị-viện mới ưng-cbuần bán luật công-nhận xứ Phi-luật-tân trong 12 năm nữa sẽ được thành-thần.

Mười hai năm nữa, dân Phi-luật-tân chỉ cho khỏi chiếm-bao, mơ tưởng, nhưng đối với sinh-mệnh một nước thì cái thi-giờ ấy chẳng có là bao!

Vị-tri và dân-cư

Xứ Phi-luật-tân có một cái vị-trí quan-trọng trên mặt bể Thái-bình-dương. Nếu Đông-duong ta là một cái « ban-công » thì Phi-luật-tân cũng là một cái « chòi » để xem trận chiến-tranh Thái-bình-dương sau này, địa-vị xung-yếu không kém gì Tân-gia-pha Đài-loan, Nam-duong quần-đảo.

Phi-luật-tân gồm có 7 cái đảo từ Bắc đến Nam dài hơn 1500 cây-số. Luçon là cù-lao to nhất, dân-cư đông, phong-cảnh đẹp, nên người Hoa-kỳ chọn đóng thủ-phủ (Manille) ở đấy.

Nhân-dân ở Phi-luật-tân gồm có nhiều giống người khác nhau. Thổ-dân là giống *Négritos*, người lùn da đen, giống người mọi *Pygmée* ở miền Phi-châu. Ở về phía Đông có giống *Igor-*

otes đương còn dã-man lắm, họ sinh-nhai bằng cách cướp bóc và ham giết người. Duy có giống *Tagals* là thông-thái và văn-minh hơn cả, người *Tagals* là dân-tộc cầm đầu hết các công-việc ở Phi-luật-tân, từ việc chính-trị, thương-mại, kỹ-nghệ, việc gì cũng ở trong tay họ cả. Giống *Tagals* ở miền tây và trung-bộ cù-lao Luçon, làm ăn rất vui-vẻ. Ngoài ra còn một giống người lai dân Y-pha-nho và giống *Tagals*, giống người này không lấy gì làm đóng lăm.

Một đoạn lịch-sử

Giữa thế-kỷ thứ 16, các giống người ở Phi-luật-tân chia rẽ nhau không biết tập thành một đoàn-thê chắc-chắn, lắm khi còn tranh-dành đánh lẫn nhau, nên khi người Y-pha-nho đến thì chiếm-trị được một cách rất dễ-dàng.

Người Y không chịu khai-hóa cho người bản-xứ, lại ra ý khinh-bĩ họ, dân *Tagals* lấy làm tức-giận, cùng các dân-tộc khác nổi lên chống-cự, cử EMILIO AGUINALDO đứng đầu, cuộc phiến-loạn đặng-dặc hơn 20 năm, đến năm 1897 chính-phủ Y-pha-nho mới dẹp yên.

Người Y vẫn không chịu thay đổi chính-sách thực-dân, làm lăm điều hà-khắc, chẳng bao lâu người Phi lại nổi lên chống-cự với Mẫu-quốc một lần nữa.

Lúc bấy giờ, người Hoa-kỳ đã có ý muốn mở mang thế-lực ở Viễn-dông, muốn tìm một căn-cứ-địa ở trên mặt bể Thái-bình-dương để làm chỗ cho quân-linh và tàu bè qua lại trú-ngụ cho dễ. Nhân thấy ở Phi-luật-tân có cuộc nội-loạn, người Ý lại yếu thế, bèn đem binh can-thiệp vào, chính phủ Madrid không đủ sức chống-cự, phải chịu bỏ Phi-luật-tân, ký hòa-trớc nhường lại cho Hoa-kỳ.

Phi-luật-tân về tay chủ mới, mở mang về các phương-diện rất chóng. Ngay lúc đầu, người Hoa-kỳ mới đến lĩnh quyền thống-trị đã hứa sẽ cho thuộc-địa mình được độc-lập, nên dân bản-xứ rất hoan-nghehnh và thật tâm hợp-tác với Mẫu-quốc.

Được ít lâu, thấy lời hứa không có kết-quả, người Phi lại yêu-cầu, chính-phủ Hoa-thịnh-dốn làm lơ thì đã, Phi lại nổi lên chống-cự và tuyên-bố Dân-quốc Phi-luật-tân thành-lập.

Tuy người Phi không chống nổi với thế-lực Hoa-kỳ, cuộc phiến-động phải chịu thất-bại đau-dớn, nhưng Mẫu-quốc cũng phải nói quyền cho người bản-xứ tham-dự vào các việc chính-trị trong nước. Từ năm 1901 là năm Hoa-kỳ dẹp yên cuộc biến-động, người Phi được thêm nhiều quyền-lợi, trừ ba chức Toàn-quyền, phó Toàn-quyền và Thượng-thư bộ Tài-chính phải nhường cho người Hoa-kỳ, còn các chức Thượng-thư khác sắp xếp, người Phi đi tài đều được bổ dụng hết.

Cuộc vận-động độc-lập

Thế mà dân Phi vẫn chưa lấy làm thỏa-mãn, đêm ngày vẫn mơ-tưởng hai chữ độc-lập, tìm hết cách vận-động để một ngày kia được tự-trị.

Mấy năm gần đây người Phi lại vận-động riết, không có cơ-hội nào bỏ sót,

khiến chính-phủ Hoa-kỳ phải lưu-ý đến luôn.

Hồi tháng bảy năm 1931, dân Phi có cử một phái-bộ sang Hoa-kỳ yêu-cầu tự-trị, phái-bộ này được nhiều ông Nghị-hoa 1-nghềnh và giúp đỡ, nên đối với chính-giới Hoa-kỳ có ảnh-hưởng nhiều lắm, chỉ vì quan Toà 1-quyền Phi-luật-tân lúc bấy giờ là ông DEWIGHT F. DAVIS không ưng-chuẩn nên có 1g-việc của phái bộ không có kết-quả.

Năm ngo 1i quan Thống-lĩnh ROSSVELT lên cầm quyền, người Phi lại đả-động đến vấn-đề độc-lập, nghị-việc 1 Hoa-kỳ lại đem ra thảo-luận, trước hết chỉ được Hạ-nghị-viện ưng-chuẩn, mãi đến ngày 24 Mars vừa rồi, mới có tin chính-phủ Hoa-thịnh-dốn bằng lòng cho Phi-luật-tân trong 12 năm nữa sẽ được độc-lập.

Thế là dân Phi-luật-tân đã gần đến ngày độc-lập, cuộc vận-động trong bấy lâu nay đã gần đến ngày có kết-quả.

Tại sao Hoa-kỳ cho Phi-luật-tân độc-lập?

Ai chẳng biết Hoa-kỳ là một nước giàu mạnh vào hạng phát-nhì trong thế-giới, lại là một nước có nhiều quyền-lợi ở Viễn-dông, nước Hoa-kỳ tất đủ binh-lực thống-trị một tiểu-quốc như Phi-luật-tân để lấy chỗ mở-mang thế-lực ở Á-châu

Tại sao chính-phủ Hoa-kỳ lại hứa cho Phi-luật-tân độc-lập?

Đã không phải vì sợ tất vì nhà-1-đạo, có nhiều người bảo thế, Hay là Hoa-kỳ theo cái chính-sách « chỉ biết Mỹ-châu », không can-thiệp đến việc của Á-châu Á nữa?

Những sự ức-dục ấy đều không phải cả. Theo ý tôi thì người Hoa-kỳ hứa

cho Phi-luật-tân độc-lập vì những nguyên nhân sau này :

Xét ra lâu nay người Hoa-kỳ đối-ngoại bao giờ cũng dùng chính-sách hòa-bình, chứ không hay dùng chính-sách xâm-lược, để cho dễ đắc-thắng trên trường kinh-tế. Vì nước Hoa-kỳ đất giàu và rộng, trong nước hầu đủ nguyên-liệu để cung-cấp cho các công-nghệ, máy móc lại tinh-xảo, đồ chế-tạo ra rất nhiều, cần thị-trường để giao-dịch hơn là cần thuộc-địa để thực-dân.

Vi vậy về địa thế-kỹ thuật hai-mươi, nước Hoa-kỳ cũng như Liệt-cường khác, đều lo mở-mang phạm-vi thế-lực ở Trung-hoa. Liệt-cường, nước nào cũng lo chiếm tô-giới, hải-cảng, can-thiệp vào đường chính-trị. Trái lại Hoa-kỳ dùng chính-sách hòa-bình để thân-thiện với chính-phủ Trung-hoa, không đặt phạm-vi thế-lực (*sphère d'influence*) không chiếm tô-giới như Liệt-cường, lại xuýt nhiều tư-bản cho Trung-hoa vay để kinh-doanh các công-việc, phái người sang làm cố-vấn và khuyên thiếu-niên Trung-hoa sang du-học bên Mĩ. Một bên dùng chính-sách bạo-động, một bên dùng chính-sách hòa-bình, nhưng rút cục về sự đắc-thắng trên trường kinh-tế chưa chắc chính-sách nào đã hơn chính-sách nào ?

Cho đến đối với các nước ở Nam-Mĩ-châu cũng thế, Hoa-kỳ hất sức giúp tiền của binh-lính để làm cho các nước ấy thoát khỏi quyền thống-trị Âu-châu, rồi công-nhận cho độc-lập, không hề xâm-chiếm nước nào. Tuy các nước ấy không phụ-thuộc với Hoa-kỳ về đường chính-trị, nhưng thoát sao khỏi cái gông liên-lạc kinh-tế với huệ-quốc của mình được ?

Ngày nay, chính-phủ Hoa-kỳ hứa cho Phi-luật-tân độc-lập cũng là theo một ý-nghĩa nói trên. Hoa-kỳ không cần lấy Phi-luật-tân làm thực-dân-địa thì dẫu cho Phi-luật-tân được độc-lập về đường chính-trị phỏng đã có hại gì đến chủ-quyền của Hoa-kỳ ở Viễn-đông? Ta chờ tưởng sau khi Phi-luật-tân độc-lập đã dễ thoát-ly được phạm vi thế-lực của người Hoa-kỳ dẫu. Hơn ba-mươi-năm ở dưới quyền cai-trị của Hoa-kỳ, Phi-luật-tân đã chịu ảnh-hưởng về đủ các phương-diện : chính-trị, kinh-tế cho đến cả tinh-thần nữa, nên dẫu Hoa-kỳ có bỏ chủ-quyền, Phi-luật-tân vẫn còn có nhiều liên-lạc với Hoa-kỳ, chưa dễ một ngày mà đoạn-tuyệt đi được.

Vả lại Phi-luật-tân là một xứ có nhiều nguyên-liệu giống với nguyên-liệu Hoa-kỳ, như bông, đường v. v., lâu nay nguyên-liệu Mầu-quốc thường bị cạnh-tranh với nguyên-liệu thuộc-địa, vì đối với sản-vật Phi-luật-tân, chính-phủ Hoa-kỳ không thể đánh thuế cao như sản-vật ngoại-quốc được. Nếu Phi-luật-tân độc-lập thì chính-phủ Hoa-kỳ có thể tăng cao quan-thuế lên để bảo-hộ cho sản-vật trong nước khỏi bị cạnh-tranh, mỗi lợi không phải là nhỏ.

Hướng chỉ-trình-dộ tiến-hóa của nhân-dân Phi-luật-tân đã khá cao, gồm đủ tư-cách tự-trị, nếu Hoa-kỳ không theo lẽ tiến-hóa tự-nhiên mà giải-phóng cho thuộc-quốc thì chỉ cho khỏi dùng đến binh-lực đàn-áp, hai bên đều bị thiệt hại mà về đường thực-tế lại không có ích gì, đó là một điều Hoa-kỳ không làm vậy.

Kết-luận

Chúng ta đã hiểu vì những lẽ gì Hoa-kỳ hứa cho Phi-luật-tân độc-lập thì

chúng ta cũng có thể mừng cho cái nước tiêu-nhược kia không đến nỗi thất-vọng về đường tương-lai. Mười hai năm nữa, thắm-thoát chẳng lâu gì, nhưng biết đâu trong khoảng thời-gian ngắn-ngủ ấy, bên Hoa-kỳ không xảy ra nhiều việc đổi thay, cuộc độc-lập của Phi-luật-tân biết rồi có trọn vẹn được như lời hứa không?



II

VẤN-ĐỀ PHÁP NGA THÂN-THIỆN VÀ NGA GIA-NHẬP HỘI QUỐC-LIÊN

Gần đây, trên bàn cờ ngoại-giao quốc-tế, nước cờ đã thay đổi, ai trông qua cũng cho thế-giới ngày nay đang trải qua một cuộc âm-mưu rất ghê-gớm.

Nếu không thế sao Pháp là một nước lâu nay phản-đối Nga hơn hết mà lại hợp-tác với nước thù mình? Nga là một nước ghét chủ-nghĩa tư-bản lại gia-nhập vào hội Quốc-liên là một cơ-quan của các nước thờ cái chủ-nghĩa trái-ngược của mình?

Nhưng xét cho kỹ, chúng ta chẳng nên lấy làm lạ. Mở những trang lịch-sử ngoại-giao từ trước đến nay ra mà xem thì những nước thù nhau ngày nay hôm sau đã thấy thân-thiện với nhau rồi, việc trong thiên-hạ chẳng qua gồm hết ở trong một chữ « thế ».

Lấy hiện-tình Âu-châu ngày nay mà xét thì Pháp với Nga là cô-lập hơn cả.

Sau cuộc Âu-chiến, theo tờ hòa-ước Versailles, nước Pháp được nhiều quyền-lợi hơn các nước Đồng-minh, nên trong nước chẳng những công-nghệ phát-đạt một cách nhanh-chóng, cho đến thế-lực bên ngoài cũng tăng thêm nhiều. Dưới chủ-nghĩa Phát-xít, Ý lo mở

rộng phạm-vi thế-lực quốc-gia, nhưng đi đến đâu cũng thấy quyền-lợi xung-đột với Pháp, bèn đem lòng ghen-ghét. Lại thêm bên cạnh, Đức ngày đêm không quên thù cũ, cuộc ngoại-giao hai nước gặp nhiều sự khó-khẩn. Cho đến nước Anh trước kia hết lòng giúp Pháp đánh Đức, ngày nay thấy thế-lực Pháp lan rộng một cách nhanh-chóng cũng trở lại ghét Pháp.

Còn Nga, tình-thế chẳng khác gì Pháp. Sau cuộc cách-mệnh năm 1917, Nga theo chủ-nghĩa cộng-sản, các nước tư-bản đều cực-lực phản-đối. Gần đây Nga lại bị hai mối lo lớn: ở phía đông, Nhật quyết-chí xâm-lược, đã lấy Mãn-châu ngăn đường không cho Nga qua Tàu, lại còn có ý lấn bờ cõi Tây-bá-lợi-á làm cho trận Nga Nhật chiến-tranh thứ nhì khó lòng tránh khỏi. Ở phía tây, Đức từ ngày HITLER lên nắm chính-quyền hết sức bài-trừ cộng-sản, làm cho Nga mất đường phát-triển sang Tây Âu.

Thế là Pháp vì quyền-lợi, không thể thân-thiện với các nước mạnh xung quanh mình, còn Nga vì chủ-nghĩa phải xung-đột với các nước ngoài, nên đều nằm vào cái địa-vị cô-lập. Tuy hai nước không đồng chủ-nghĩa, nhưng tình-cảnh giống nhau, có thể tạm thời liên-hiệp mà đối-phó với thù chung, thành thế ngày nay mới có cuộc Pháp Nga thân-thiện đó.

Vậy thì đối với việc Nga gia-nhập hội Quốc-liên, ta cũng chẳng nên lấy làm lạ.

Hội Quốc-liên là gì? Chẳng qua là một cơ-quan để cho Liet-cường bàn cãi những việc bất-hòa xảy ra trong những nước có chân trong Hội, để dò xét tình-hình lẫn nhau, chứ về đường thực-tế không có thế-lực gì hết. Xem

như trong hội *Bolivie* đánh với *Paraguay*, Nhật-bản chiếm Mãn-châu, hội Quốc-liên chỉ họp lại bàn suông tán hão, rồi đành phải bỏ qua cho ai mạnh nấy được thì đủ rõ.

Từ ngày Nhật và Đức rút chân ra hội thì hội Quốc-liên lại mất nhiều thế-lực nữa. Những nước muốn duy-trì hội ấy, muốn lợi-dụng hội ấy để tránh sự chiến-tranh, tất phải rủ thêm người vào hội để tăng thêm thanh-thế. Vì vậy các nước có chân trong hội Quốc-liên — nhất là nước Pháp — đều muốn cho Nga vào hội.

Như trên đã nói, Nga đứng vào cái địa-vị cô-lập, lại có hai nước thù lớn là Nhật và Đức, hai nước này lại vừa mới ra hội Quốc-liên, thì lẽ tất-nhiên Nga phải gia-nhập hội ấy để cho thêm vây cánh mà đối-phó với nước thù mình.

Nhưng sau khi vào hội Quốc-liên, Nga không chịu công-nhận hòa-ước *Versailles*, thì đủ biết Nga không tuân theo nguyên-tắc căn-bản của hội Quốc-liên, có lẽ Nga muốn nhân khi hội

Quốc-liên yếu thế mà thay đổi nội-dung hội ấy chăng?

Theo dư-luận các báo gần đây thì chưa chắc Nga đã thật tình vào hội Quốc-liên, đã thật tình hợp-tác với các nước tư-bản. Người ta cho rằng Nga vào hội Quốc-liên chẳng qua để tỏ cho thế-giới biết mình yêu mến hòa-bình, để xem xét tình-hình và làm quen với các nước khác cho dễ, chứ không phải Nga đã quên được chủ-nghĩa của mình đâu.

Ai cũng biết từ ngày Nga thi-hành cái kế-hoạch năm năm thì ký điều-ước bất-xâm-phạm với nhiều nước, hết sức thân-thiện với các nước tư-bản, thân-thiện để tuyên-truyền chủ-nghĩa cộng-sản, để đạt cái chính-sách tân-kinh-tế của mình, nên Liệt-cường đối với việc Nga vào hội Quốc-liên này đều giữ thái-độ hoài-nghi. Mà đã hoài-nghi nhau thì cuộc hiệp-tác của Nga với Liệt-cường chắc không có kết-quả gì tốt, đáng lo cho cuộc hòa-bình thế-giới lắm.

T. P.



VĂN = UYÊN

THƠ CỔ

Hải-thượng Đỉnh-trai liên-sinh
thi-lập (1)

I

Yết đèn Hùng về giữa đườn*g*,
đêm gặp gái đẹp

Chẳng hẹn-hò chẳng ước-ao,
Duyên đầu hồng chốc dầy-dun vào;
Văn-chương đó nợ người cung quế,
Yêu-diệu kia ai khách động Đào;
Giáp mặt đường hoa hương ngát sức,
Dan tay lầu nguyệt bóng soi coi;
Chỉ hồng lá thắm khen ai khéo,
Lưu, Nguyễn xưa kia chuyện thế nào?

II

Phủ trung nhân phủ

Vừa « danh » vừa « lợi » có hay đâu,
Danh lợi xưa nay vẫn cọt nhau;
Lợi dầy một đời âu cũng hết,
Danh kia muôn kiếp để về sau;
Những người lợi lắm, danh càng giảm,
Mà kẻ danh nhiều lợi vẫn mau;
Đường ngõ thế-gian danh với lợi,
Không danh không lợi để ai hầu.

III

Vào nhà Giám

Cúc thông lần lửa mấy thu giòng,
Vò ký phen này quyết ruổi giòng;

Sương móc chín lần chồi liễu nặng,
Nước non nghìn dặm mảnh trăng chung;

Nợ-nần thư kiếm còn dan-dấu,
Bầu bạn giang-hồ những nhớ-nhung;
Mấy khúc Dương-quan mây bãng-lãng,
Xa xôi ai dễ biết cho cùng.

IV

Nhớ đào-nương cảm-tác

1

Hai chữ công danh nghĩ cũng kỳ!
Người thì mần rửa, kẻ mần ri;
Duyên kia chưa dứt may cùng rủi,
Nỗi nợ đang buồn ở với di;
Tỏ tử xiêm còn âu có lúc,
Tái-ông ngựa tềch cũng không chi;
Trước sau chẳng nữa duyên cùng phận,
Đường lối thanh-vân có hẹp gì.

2

Thân-thế trăm năm một cuộc cờ,
Tao-phùng dễ mấy hội mây mưa;
Mặt đường quan-đời người đi lại,
Đầu ngựa tang-bồng kẻ đón đưa;
Ngán phận bình-bồng như chênb-mãng,
Quen mùi chung đỉnh những say sưa;
Trách thay con tạo ghen chi nữa,
Nỡ để duyên kia chót đợi chờ.

V

Đến Kinh, lên chơi Hoành-sơn

Cái nợ phong-trần đã hết chưa?
Lần-lần lửa-lửa bấy nhiêu thừa;

(1) Tiên-sinh đồng-thời với cụ Nguyễn Công-Trứ, nhưng chưa xét rõ đích tên là gì.

Ham mùi chung đỉnh cho nên phải,
 Chân mắt non sông những muốn từ;
 Chuyện cũ nọ bàn may với rủi,
 Phen này cho rõ được cùng thua;
 Gần ba mươi tuổi còn răng sữa (?)
 Con tạo chi mà lắm mốc mưa.

VI

Khoa quý-mão mừng người
 giám-sinh (Nguyễn Vi) tri-huyện
 đã bị cách, lại thi đỗ cử-nhân

Con tự nay nghe bác đã xuôi,
 Rằng duyên hay nợ, uầy ai ơi!
 Đường quanh bồng chốc sang đường
 thẳng,

Bước tới vì chung tự bước lui;
 Vũ-trụ có mình thêm có truyện,
 Phong-trần còn hội vẫn còn vui;
 Suy ra mới biết rằng cơ tạo,
 Xin tấm căng-hoàng chớ chút người.

VII

Lưu-giản cho người đào-nương
 ở Hà-tĩnh

Gặp gỡ duyên đưa buổi lạ-lùng,
 Rằng ai duyên nợ một tình chung;
 Tiếng vàng thoảng nổi đường ngoa-
 ngán,
 Gót ngọc khơi rày những nhớ-nhung;
 Con tạo quấy trêu chi mấy tá,
 Chữ tình đan-diu có chi không?
 Nay lời tơ-tóc ghi son đá,
 Nọ dải sông Lam nọ đỉnh Hồng.

VIII

Nhân ngâm

Phấn vua giời mặt quá năm xưa,
 Nhan-sắc Trường-an lắm kẻ ưa;
 Chỉ vị tiền-tài hơi thiếu thiếu,
 Cho nên hoa-nguyệt phải bừa bừa;
 Và câu thơ hảo, và chung rượu,
 Một ngọn cầm sông, một cuộc cờ;
 Lếu-láo cho qua ngày tháng ấy,
 Thôi đừng giận gió lại hờn mưa.

IX

Gửi về cho người nội-trợ

Con tạo ghen ai những quấy rầy,
 Quan-hà muôn dặm kẻ riêng tây;
 Gương thiềm ngấm bóng năm hậu nửa.
 Thư nhận mong tin tháng đã đầy;
 Xuân vắng vườn đào màu phấn-nhạt.
 Thu qua bờ liễu vóc sương gầy;
 «Chung-tinh» đôi chữ khen ai đặt,
 Một giấc phần-du tỉnh lại say.

X

Chơi phủ Quảng-oai nhân phủ

Sinh ra tai mắt cũng nhi-nhằng,
 Nhờ phấn vua nay mới gọi rằng...
 Mấy dùm oai-quyền hơi đồng-dạc,
 Và câu chính-sự giọng bi-bằng;
 Tinh-thần thủng-thình cùng dân sách,
 Thủ-vị tiêu-dao với gió trắng;
 Trái chuối, buồng cau may cũng đủ,
 Phong-lưu bước ấy dễ ai bằng.

Kỳ sau bản-chí đăng:

ĐỜI SỐNG ĐẠN

Một truyện trinh-thâm mạo-hiêm
 hồi Âu-chiến. Hay !..... Vui !.....

của TÙNG-TOÀN dịch

THÒ'I-ĐÀM

TIN NƯỚC PHÁP

Một việc do-thám

Mới rồi một viên sĩ-quan đến vay tiền của một người vãn cho các viên-chức nhà nước vay là GORGES SYBERT. SYBERT gạn viên sĩ-quan để mua những giấy má tài-liệu của nhà binh. Viên sĩ-quan biết là quán do-thám liền nhân lời và ước hẹn trao những tài-liệu ấy ở điện Tuileries. Khi SYBERT đến điện Tuileries thì bị bắt liền. Hắn đã thú nhận là đi do-thám cho Đức.

Một người Phó-lan-nhã tên là KRAUSS cũng bị quan dự-thăm BENON xét hỏi. Vì lời khai của KRAUSS nên sở mật-thám đã bắt viên giám-đốc binh-lương FROGÉ ở Beifort mà 15 tháng trước đây đã bị tình-nghi về tội do-thám, nhưng vì không đủ chứng cứ nên được tạm tha. FROGÉ vẫn giao-thiệp với SYBERT và năm 1932 có viết cho SYBERT nhiều bức thư quan-trọng.

Việc cải-cách thuế má

Chính-phủ đang nghiên-cứu một bản dự-luật cải-cách thuế-má. Trong dự-luật này, thuế lợi-tức giảm đi 20 phần, nhưng số người phải đóng thuế tăng lên mà cách-thức thu thuế thì làm giản-dị đi.

Sẽ mở một cuộc công-thải 5 ngàn triệu quan

Muốn khôi-phục lại nền tài-chính,

chính-phủ DOUMERGUE sẽ mở một cuộc công-thải là 5 ngàn triệu quan.

Nbững điều-kiện về cuộc công-thải này đợi ủy-ban tài-chính phê-nhận sẽ thi-hành.

Về cái chính-sách tiết-kiệm

Mười phần trăm viên chức sẽ phải về hưu

Theo đạo sắc-lệnh ngày 4 Avril của quan Giám-quốc LEBRUN nay mai sẽ cho tới 10% các viên-chức về hưu để cho công-quĩ đỡ tổn trong lúc túng bấn này.

Giảm số viên-chức ngạch Công-chính

Trong quan-báo của Pháp vừa đăng một đạo sắc-lệnh giảm bớt 31 viên-chức ngạch Công-chính và Khoáng-chất các thuộc-dịa, không kể xứ Đông-duong. Các viên-chức này sẽ cho về hưu hoặc trả lại ngạch cũ bên Pháp.

Hai ông nghị-trưởng tự giảm tiền phụ-cấp

Muốn gom-góp một phần vào công-kuộc tiết-kiệm của chính-phủ, nên hai ông nghị-trưởng Thượng nghị-viện và Hạ nghị-viện đã tự-y giảm tiền phụ-cấp về chức nghị-trưởng của mình xuống 150/o.

Đảng xã-hội cấp-tiến trực-xuất mấy ông nghị

Hội-nghị của đảng xã-hội cấp-tiến họp do ông HERRIOT chủ-tọa, có cử một ủy-ban để loại các đảng-viên nào có dính-lưu vào các việc lồi-thối xảy ra vừa rồi.

Tiêu ban này đã đồng thanh trực-xuất các ông GARAT, BONNAURE, PROUST, HESSE, RENOULT và DALAMIER.

Việc Stavisky.

Ông Pressard bị khiển-trách

Tiêu-ban do ủy-ban điều-tra cử ra để xét rõ cái trách-nhiệm của các viên quan tòa trong sự hoãn 19 lần cái kiện STAVISKY, đã quyết-nghị khiển-trách ông PRESSARD, nguyên biện-lý tòa-án hạt Seine, và định đệ lên quan Tổng-trưởng Tư-pháp lời khai của ông này.

TIN ẤN-ĐỘ

Thợ dệt đình-công

Có 40 xưởng dệt đóng cửa, số thợ

đình-công lên đến 65.000. Tình-hình mỗi ngày một thêm nghiêm-trọng.

TIN TÂY-BAN-NHA

Nội-các từ-chức

Vi đạo luật ân-xá 9.000 tội-nhân nhiều người bất-phục, nên nội-các LERROUX đã từ-chức.

Ông RICARDO SAMPER được cử ra lập nội-các mới.

TIN PHI-LUẬT-TÂN

Việc cho Phi-luật-tân độc-lập

Ngày 24 Mars đã có tin chính-phủ Hoa-kỳ định trong 12 năm nữa sẽ cho Phi-luật-tân được hoàn-toàn độc-lập, nay lại mới được tin rằng cứ theo như ý quan Tổng-trưởng bộ Canh-nông là ông VINCENTE ENCARNATION thì cái thời-hạn cho Phi-luật-tân độc-lập sẽ rút xuống là trong 3 năm nữa thôi.

THỜI CỤC NƯỚC TÀU

Chính-phủ Nam-kinh đối với lời thanh-minh của người Nhật.

Nước Tàu là một thị-trường lớn ở giữa Á-đông, nên các nước Âu Mỹ và Nhật-bản, nước nào cũng muốn tranh lấy lợi-quyền vào tay mình. Từ khi Nhật-bản thực-hành cái chính-sách xâm-lược Trung-hoa, đã lấy Mãn-châu lại muốn xâm-lấn cả vào miền Hoa-

bắc. Người Nhật cho rằng Trung-hoa kêu gọi các nước ký « hiệp-ước chín nước » để cùng mưu hợp-tác là không lợi cho mình, nên hôm 17 Avril mới rồi có lời thanh-minh của đại-biêu bộ ngoại-giao Nhật là có ý ngăn-trở các nước không được giúp Trung-hoa, và phản-kháng chín nước kia nhóm họp trong kỳ hội-đồng của Hội Vạn-quốc ngày 15 Mai.

Trong buổi hội-dồng chính-phủ Nam-kinh, viện Lập-pháp đã quyết-định bảo chính-phủ tin cho các nước cùng ký « hiệp-ước chín nước » về việc Nhật muốn phạm vào hiệp-ước và yêu cầu các cường-quốc đề ý đến tình-hình Viễn-đông, và Nam-kinh đã điệu cho các đại-biêu của mình ở ngoại-quốc, bảo vận-động theo ý ấy.

Tổng Tử-Văn có tuyên-bố rằng: Trung-quốc hợp-tác việc kinh-lễ với các nước Âu Mỹ là chính-sách đã định của Trung-quốc, bất cứ kẻ nào, dù cậy sức mạnh cũng không thể cản-trở được.

Dư-luận thì cho lời thanh-minh của Nhật ý nghĩa chẳng qua gồm ở trong bốn chữ « xóm dò không-khí » để thử xem thái-độ các nước ra làm sao. Vì Nhật thấy Tàu vẫn còn trông chờ các nước vận-động kháng Nhật, nên trước ra oai với người Tàu, hăm dọa cả chính-phủ với nhân-dân, cho biết rằng hệ kết-giao với liệt-cường là thất-sách, mà phải chịu dưới bàn tay sắt của mình. Lại dọa cả Nga xem có chịu nhượng-bộ bỏ quyền-lợi ở miền Bắc-Mãn hay không. Nước Mỹ có nhiều quyền-lợi ở Tàu, xưa nay vẫn chủ-trì cái chính-sách khai-phóng môn-hộ, trái với chính-sách độc-quyền của Nhật. Nước Anh về mặt ngoại-giao thì cốt lấy việc duy-trì Quốc-liên làm nguyên-tắc, trái với nước Nhật phản-đối hội Quốc-liên về mặt kỹ-thuật hợp-tác với Trung-quốc. Bởi vậy Nhật mới dẫn lên một bước mà nhận lấy cả việc bảo-hộ nước Tàu, để thử xem Anh Mỹ đối-phó ra làm sao.

Các nước đối với lời thanh-minh của đại-biêu ngoại-giao Nhật, tuy chưa phải là chính-thức tuyên-bố, nhưng nước nào cũng phải chú-ý cho là Nhật

định chiếm độc-quyền ở Trung-hoa, mà bài-xích các nước, oai-hiệp đến cả cuộc hòa-bình Thái-bình-dương, bởi vậy dư-luận thế-giới đều xao-xuyến nổi lên phản-đối.

Ngoại-tướng Quảng-Điền nước Nhật thì chối khéo rằng: Lời thanh-minh kia chỉ là nhắc lại trong bài diễn-văn của Quảng-Điền đọc ở đế-quốc nghị-hội ngày 23-1-34, nói về phương-châm ngoại-giao: Nhật-bản đế quốc cốt duy-trì cái trách-nhiệm hòa-bình duy-nhất ở Viễn-đông chứ không có gì khác...

Quan đại-sứ Nhật ở Paris thân đến bộ ngoại-giao đưa trình quan tổng-trưởng Bartou một bản giải nghĩa rõ lời thanh-minh hôm 17 Avril của viên đại-diện Ngoại-giao bộ ở Đông-kinh. Bản công-văn ấy có nói rõ:

10) Nhật không có ý xâm-phạm vào quyền-lợi của các cường-quốc ở Tàu và chính-sách môn-hộ khai-phóng.

20) Nhật quyết không để cho người lợi-dụng vấn-đề Tàu làm cái cớ để can-thiệp vào việc giữ trật-tự và việc tự-pháp Viễn-đông là nơi Nhật có những quyền-lợi cốt-lử.

Chính-phủ Pháp có phúc-đáp lại rất đồng-ý với Nhật và nói rằng nếu có xảy ra việc dự-đoán ở khoản thứ nhì thì chính-phủ Đông-kinh sẽ cùng các cường-quốc tìm cách giải-quyết theo hiệp-ước Hoa-thịnh-đốn, mà chỉ có thể mới giải-quyết vấn-đề Tàu một cách công-bằng, ai nấy đều thuận tình được.

Các báo Tàu đồng-thanh nói Nhật định ngăn-cản Tàu không cho giao-hảo với các cường-quốc và gây ra cái tình-thế rối-loạn ở bắc-bộ Tàu để ngăn-trở việc thống-nhất. Báo Tàu lại đăng tin

rằng M. Iwai đại-diện sứ-quán Nhật có nói nếu Tàu cứ giao-hảo với các cường-quốc, làm rối cuộc hòa-bình ở Viễn-dông, thời lật phải chất-vấn Nam-kinh.

Viện Lập-pháp họp kỳ hội-đồng bí-mật cực-lực phản-đối lời thanh-minh của Nhật cho là có phạm đến phạm-cách nước Tàu.

Uông Tinh-Vệ có đi Nam-xương để thương-thuyết với Tưởng Giới-Thạch về các vấn-đề nội-trị và ngoại-giao, nhất là về việc Nhật-Hoa.

Tồn Khoa viện-trưởng viện Lập-pháp tuyên-bố cùng các báo rằng những tin đồn về việc Tàu trực-liếp điều-đinh với Nhật đều không đúng cả. Tồn cải-chính tin đồn rằng Tàu đã chuẩn y lời thỉnh-cầu của Nhật về vấn-đề bưu-diện và thiết-lộ ở Mãn.

Nội-bộ nước Nhật vì việc thanh-minh cải-chính-sách đối với Trung-hoa, đã sinh nhiều điều trở-ngại. Ngoại-giao đại-thần Quảng-Điện bị thất-bại lần này, từ nay đối với Trung-hoa đều theo cái chủ-nghĩa không tuyên mã chiến của bộ lực-quân, bất cứ việc gì, cứ một việc làm trán, không lại theo lối ngoại giao nữa.

Nước Nhật chực bắt hiếp Trung-hoa phải thừa-nhận nước Mãn-châu

Các nhà quân-phiệt Nhật-bản định quyết dùng võ-lực bắt hiếp Trung-quốc phải thừa-nhận nước Mãn-châu, vì vậy nên tình-bình miền bắc lại càng nghiêm-trọng. Nhất là ba tỉnh Hà-bắc, Hà-nam, Thiểm-tây lại có vẻ đáng kinh-hãi nữa. Hai cửa ải trọng-yếu của Trường-thành là Sơn-hải-quan và Cổ-bắc-khẩu, kẻ tiếng là nước Nhật đã giao

trả Trung-quốc rồi, mà thực ra thì quyền-lực vẫn ở tay quân-nhân Nhật-bản. Thứ-trưởng ngoại-giao Nam-kinh là Đường Hữu-Nhân, sau khi đến xem xét miền Hoa-bắc, cũng nói cực-thể miền bắc không những đáng sợ, mà lại có cái cơ nguy không thể cứu được. Vừa rồi Hoàng Phu là ủy-viên-trưởng Chính-phủ Bắc-bình, đã phải thân-xướng Nam-kinh yết-kiến các yếu-nhân để bàn cách ứng-phó cái cơ nguy ấy.

Du-luận Trung-hoa đều chú-ý trông chờ cách đối-phó của chính-phủ Nam-kinh, nếu không tự-phấn-khởi được mà kết-cục phải chịu thừa-nhận nước Mãn-châu, không khác gì là tự-sát vậy.

Nhật chia Mãn-châu làm 27 đạo

Chính-phủ nước Mãn-châu theo như ý-chí người Nhật đã thực-hành các việc như sau này :

- 1) Đồi 4 tỉnh làm 27 đạo ;
- 2) Bỏ cục cảnh-sát ở các huyện, do viên huyện-trưởng kiêm chức cảnh-lại, đều đổi dùng người Nhật ;
- 3) Thực-hành việc trung-bình, mỗi huyện lấy 500 tráng-đinh, theo kỳ thay đổi ;
- 4) Thu hết những súng còn chừa ở dân-gian ;
- 5) Đồi đội đốc-sát làm đội hiến-bình, mỗi huyện đóng một ban.

Nhật đắp 7 đường sắt lớn ở Mãn-châu để phòng đánh nhau với Nga

Người Nhật cho rằng muốn đánh nhau với Nga, cần phải có binh-lực lớn, có binh-lực lớn lại phải có cơ-

quan vận-tải tiện-lợi và nhanh chóng nữa mới được, nên đã quyết-định đặt thêm bảy đường sắt lớn sau này :

- 1) Đường sắt từ Mẫu-đan-giang đến Giai-mộc-lư ;
- 2) Đường sắt từ Lăng-nguyên đến Thừa-đức ;
- 3) Đường sắt từ Nhị-điểm đến Hắc-hà ;
- 4) Đường sắt từ Diệp-bách-thọ đến Xích-phong ;
- 5) Đường sắt từ Trường-xuân đến Đại-lại ;
- 6) Đường sắt từ Đại-lại đến Thao-nam ;
- 7) Đường sắt từ Hòa-viễn đến Sách-luân.

Bảy đường sắt lớn ấy đã do chính-phủ Mãn-châu cùng quân-bộ Quan-đông của Nhật giao cho công-ti Nam-Mãn nhận làm. Số kinh-phí dự-định là một vạn bốn nghìn vạn đồng bạc Nhật.

Trong bảy đường sắt ấy, con đường từ Nhị-điểm đến Hắc-hà là quan-trọng hơn cả. Có thể do đó chỗ trọng-bình đến chẹn đứt đường sắt Cò-lô-li của Nga liên-lạc với Tây-bá-lợi-á, rồi đem

quân đánh lấy Hải-xâm-uy rất dễ-dàng, vì vậy, nên hiện nay đang gấp đắp con đường sắt ấy.

Uông Tinh-Vệ từ kiêm chức bộ trưởng ngoại-giao.

Uông Tinh-Vệ lấy cơ rằng vì chính-vụ phân-phiền, gặp lúc việc ngoại-giao khẩn-bách thì khó kiêm được. Có tin rằng Vương Chính-Đình sẽ lại nhận chức trưởng bộ Ngoại giao. Vương đã theo lời điện triệu của chính-phủ trung-ương đến Nam-kinh để thương-hiệp.



Theo một tin ở Nam kinh gửi về các báo Tàu ở Thượng-hải thì vì tình-thế bên ngoài, Trần Tế-Đường tổng-chỉ-huy Quảng-đông và Lý Tôn-Nhân tổng-chỉ-huy Quảng-tây đã bằng lòng hoàn-toàn giúp Nam-kinh.

Báo *China Times* đăng tin rằng Trần Tế-Đường và Lý Tôn-Nhân vì sợ quân Nhật hoạt-động rộng ra ở miền Bắc, có ngờ ý thỉnh-cầu với Trương Giới-Thạch cho rộng hội-đồng quốc-phòng Quảng-châu và triệu-tập một kỳ đại-hội-đồng quốc-phòng ở Nam-kinh.

VIỆC TRONG NƯỚC

Số tiền thu trong cuộc chợ-phiên bài-trừ bệnh lao — Hội-đồng bài-trừ bệnh lao tổ-chức cuộc chợ-phiên tại khu nhà Đấu-xảo Hà-nội, trong hai ngày 14 và 15 Avril cùng cuộc dạ-hội tại khách-sạn Métropole ngày 21, thu được số tiền công là 13.285 \$. Tiền ấy để giúp vào việc bài-trừ bệnh lao.

Trợ-cấp cho quan-cảng Hải-phòn 3. — Nghị-định quan quyền Toàn-quyền ngày 23 Avril trợ-cấp cho quan-cảng Hải-phòn năm 1934 là 245.000 \$.

Những nơi kè là nước độc ở Bắc-kỳ năm 1934. — Nghị-định quan quyền Toàn-quyền ngày 26 Avril.

những nơi kể là nước độc ở Bắc-kỳ trong năm 1934 như sau này :

Bắc-giang : Biên - động, An - châu, Bắc-lê, Chũ, Làng-mẹt, Phố-vị.

Bắc-kạn : Toàn tỉnh.

Cao-bằng : Toàn tỉnh, trừ tỉnh lỵ và Nước-hai.

Hà-giang : Toàn tỉnh.

Hà-nam : Chi-nê.

Hải-dương : Đông-triều.

Hòa-bình : Toàn tỉnh.

Lai-châu : Toàn tỉnh.

Lạng-sơn : Toàn tỉnh, trừ tỉnh-lỵ, Thất-khé, Phố bình-giang, Na-cham, Lộc-bình, Đông-mỏ và Đông-đăng.

Lao-kay : Toàn tỉnh, trừ Chapa.

Ninh-bình : Phủ Nho-quan.

Phủ-thọ : Đồn vàng, Phó-hệ.

Quảng-yên : Lạng-huy, Phú-ba-che, Haton Ile de la Table.

Sơn-la : Toàn tỉnh.

Thái-nguyên : Toàn tỉnh, trừ tỉnh-lỵ.

Tuyên-quang : Toàn tỉnh.

Yên-bay : Toàn tỉnh.

Quan Thống - đốc Krautheimer từ-biệt Nam-kỳ. — Ngày 29 Avril, quan Thống-dốc KRAUTHEIMER đã từ-biệt Nam-kỳ về Pháp nghĩ.

Theo Sắc-lệnh ngày 27 Avril, thì ông GUILLAUME STRIDTER được cử quyền-nhiếp sự-vụ Thống-dốc Nam-kỳ từ ngày quan Thống-dốc KRAUTHEIMER xuống lầu về Pháp cho đến ngày quan Thống-dốc PAGÈS ở Pháp sang nhiệm-chức.

Quan Thống-dốc PAGÈS bên Pháp đã xuống lầu sang Đông - dương ngày mồng 4 Mai.

Đường xe-lửa Tourane—Quảng-ngãi đã làm xong. — Đoạn đường xe-lửa từ Tourane tới Quảng-ngãi hiện đã làm xong, Chính-phủ đã mua 13 cỗ xe-lửa thật tốt đẹp, tốc-lực 70 đến 90 cây số một giờ để cho chạy quãng đường này.

Bắt được một dư-đảng hội kín. — Hồi trung-luân tháng 4 vừa rồi, sở Liêm-phóng Hà-nội bắt được một dư-đảng hội kín tại Thái-hà ấp, thuộc tỉnh Hà-dông. Đầu đảng là Hoàng Văn Dzinh. Nhân bắt Dzinh mà lại bắt được tên Nguyễn-Tạo là tù chính-trị vượt ngục nhà thương Phủ-doãn năm 1932 trốn vào ở Thanh-hóa. Cứ lời của họ khai thì họ định thu-nhập dư-đảng cũ mà lập thành một « Đông dương phân-đế liên-minh hội ». Bắt những người dính - diu vào đảng này có ngót 30 người, việc tra xét đã xong, chỉ còn đợi tòa án xử.

Những tội-nhân được ân-xá và ân giảm trong kỳ tam-cá-nguyệt thứ nhất năm 1934. — Quan-báo ngày 2 Mai có đăng danh-sách những tội-nhân được ân-xá và ân-giảm trong kỳ tam-cá-nguyệt thứ nhất năm 1934, vừa thường-phạm vừa chính-trị phạm có hơn một trăm người, hoặc xá hẳn, hoặc giảm một năm hay là sáu tháng.

Việc cứu-tế nạn-dân Bình-Phủ. — Hội cứu-tế Bắc-kỳ mới rồi mở cuộc lạc-quyên lấy tiền giúp dân Bình-định Phủ-yên bị nạn bão hồi cuối năm ngoái. Nay Hội đã gửi vào hội Trung-ương Cứu-tế ở Huế một số tiền là một vạn ba nghìn đồng 13.000 \$, để chuyển phát cho nạn-dân ấy.

Đào được nhiều đồ cổ của Chiêm - thành gần Qui-nhơn — Trong mấy tháng nay trường Bác-cổ Viễn-dông cho đào kiếm ở một vùng tại Chà-bàn (gần Qui-nhơn) vốn là chỗ Chiêm-thành đóng đô từ thế-kỷ 13 đến thế-kỷ 15, đã đào được hơn 20 tấn các đồ chạm và các tài-liệu về thời-kỳ thứ hai của mĩ-thuật Chiêm-thành. Những tài-liệu ấy cực quan-trọng, ít người biết đến.

Một phái-viên Xiêm sang Đông-dương. — Chính - phủ Xiêm cử một phái-viên trong bộ Học chính là BOONCHUS STAVEDIN sang Đông-dương ta để khảo-sát cách tổ-chức việc học ở xứ này.

Cuộc tổng-tuyển-cử Dân-biểu Bắc-kỳ. — Cuộc tổng-tuyển-cử Dân-biểu Bắc-kỳ, số báo trước đã đăng, nay đăng nối danh-sách các ông trúng-cử trong cuộc bầu lại ngày 6 Mai như sau này :

HÀ-NỘI

Đại-biểu nhân-dân

Phạm Hữu-Ninh.

Đại-biểu môn-bài

Trần Quang-Vinh, Nguyễn Huy-Hợi,
Lê Hữu-Chính.

HÀ-ĐÔNG

Đại-biểu nhân-dân

Đặng Đình - Quang, Nguyễn Văn-Khuông.

HẢI-PHÔNG

Đại-biểu nhân-dân

Phạm Văn-Trung tức Trung-Kỳ.

HUNG-YÊN

Đại-biểu nhân-dân

Đỗ Mộng-Tùng.

Đại-biểu môn-bài

Phạm Hữu-Khánh.

NAM-ĐÌNH

Đại-biểu nhân-dân

Đỗ Như-Tâm.

Đại-biểu môn-bài

Phạm-Tả.

PHŨ-THỌ

Đại-biểu nhân dân

Lê Thanh-Giai.

QUẢNG-YÊN

Đại-biểu nhân-dân

Bạch Thái-Đào.

SON-TAY

Đại-biểu nhân-dân

Nguyễn Hữu-Sinh.

Đại-biểu môn-bài

Chế Quang-Thương.

Ông bà Charles về Pháp. — Ông CHARLES là một vị Toàn-quyền vinh-hàm hưu-trí. Năm 1922 đức Bảo-đại sang du-học bên Pháp, ông CHARLES làm phụ-đạo, năm 1932 đức Bảo-đại hồi-loan lâm-chính, thì ông bà CHARLES đều đưa chân về, vẫn ở tại Huế cung An-định. Ngày 8 Mai này ông bà CHARLES đã từ-biệt Huế về Pháp. Nhân

dịp ấy, đức Bảo-đại có đặt đại-liệt tiền-hành tại điện Kiến-trung, và tặng ông CHARLES tước « Tể-Nam vương 濟南王 », tặng bà CHARLES một tấm Kim-bội đặc-biệt khắc bốn chữ « Lệnh đức không chương 令德孔彰 ». Có bài dụ và bài sắc sau này :

DỤ SỐ 11

Ngày 19 tháng 3 năm Bảo-đại thứ 9
(2 Mai 1934)

Quan Toàn-quyền vinh-hàm CHARLES nguyên là bạn thân của đức Hoàng-khảo Hoằng-tôn Tuyên-hoàng-đế. Trong lúc Quả-nhân đang xung-niên du-học bên qui Pháp-quốc, thì quan Toàn-quyền CHARLES có lòng yêu mến và lo-lắng săn-sóc việc học-hành của Quả-nhân. Đến khi hồi-loan, lại sang qua đây. Quả-nhân mời ở lại Huế ít lâu, để tỏ tình thương mến.

Nay quan Toàn-quyền CHARLES sắp trở về Qui-quốc. Quả-nhân gia tặng tước « Tể-Nam-vương » để báo-dáp công ơn. Quan Toàn-quyền CHARLES nguyên được phong Tể-Nam-công đã lâu rồi.

Vậy sự-nghi việc này, trước giao cho các Bộ-sở-quan làm liền cho kịp trước khi quan Toàn-quyền đi về.

Khâm-thử

SẮC SỐ 12

Ngày 19 tháng 3 năm Bảo-đại thứ 9

Trong lúc xuân-niên du-học bên Qui-quốc, bà Toàn-quyền CHARLES

chăm lo săn-sóc cho Quả-nhân. Nay Quả-nhân tặng cho bà bốn chữ : « Lệnh-đức không-chương » chạm vào một miếng bội bằng vàng hình như Kim-bội mà lớn hơn, để đáp công ơn và tỏ lòng thương-mến. Miếng bội ấy một bên chạm 4 chữ ấy, còn một bên thì chạm « Bảo-đại đặc-lặng ».

Trước cho các Bộ-sở quan tuân-hành liền cho kịp tặng trước khi bà CHARLES về Qui-quốc.

Khâm-thử

Một nhà danh-họa ta ở nước Ý. — Tô báo Corriere-Della-Sera xuất-bản ở nước Ý có một bài kỹ-thuật cuộc đấu-xảo về tranh vẽ tại viện Mĩ-thuật hội-họa của nước ấy, trong số sáu nhà hội-họa đem đồ đến trưng-bày thì có bốn người Ý, một người Thụy-sĩ và một người Việt-Nam tên là LÊ VĂN-ĐỆ. Lời bình-phẩm tranh vẽ của ông LÊ VĂN-ĐỆ đại-ý rằng : Ông LÊ VĂN-ĐỆ là người sinh-trưởng ở Bắc-kỳ, qua học mĩ-thuật bên Âu-châu đã lâu, nên hay dung-hóa hai nền mĩ-thuật Âu-Á mà pha lẫn tranh-ảnh rất khéo, chẳng kém gì nhà hội-họa FOUJITA là nhà đại-danh-họa nước Nhật.

Đồ lễ nước Pháp mừng đức Bảo-đại về cuộc Đại-hôn — Chính-phủ Pháp đã trích một số tiền ở ngân-sách thuộc-địa để mua một bộ đồ bằng sứ làm ở Sevres dùng vào việc ngự-thiện sẽ gửi quan Toàn-quyền ROBIN đem sang mừng đức Bảo-đại và Nam-phương hoàng-hậu.

Lập thêm hai trại lính ở Trung-kỳ. — Chính-phủ Bảo-hộ đã cho trích ở công-quĩ ra một món tiền 40 vạn đồng để lập hai trại lính ở Qui-nhon và Quảng-ngãi, mục-đích để phòng-ngữ mặt bờ Trung-kỳ.

Giới-thiệu

Báo Long-giang. — Báo Long-giang lại mới tái-bản ở Sài-gòn. Bộ biên-tập đổi mới, ông Hoằng Mưu làm chủ-bút, ông Võ Thành-Bút làm chủ-nhiệm, ông Trần Văn-Mới làm quản-lý. Xuất-bản tuần-lễ ba số: thứ hai, thứ tư và thứ sáu. Giá mỗi số 0\$05. Báo-quán ở 305 đường Lagrandière Sài-gòn.

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

(Báo ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp : | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiên-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |
| 12. — Tục-ngữ ca-đạo. | 4 hào. |

